



Trung tâm Anh ngữ Vivian

Cẩm Nang Luyện Thi **Tiếng Anh** **B1 - B2- C1 Vstep**

Độc quyền phát hành
Biên soạn bởi Anh ngữ Vivian

NỘI DUNG TÀI LIỆU

Giới thiệu tài liệu	4
Giới thiệu bài thi Vstep	6
Đơn vị tổ chức kỳ thi tiếng Anh B1, B2, C1 Vstep	7
Cấu trúc bài thi Vstep và cách tính điểm	8
Các chủ điểm từ vựng kỳ thi Vstep.....	13
Định dạng bài thi Vstep.....	15
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI NGHE VSTEP.....	17
Hướng dẫn luyện Nghe Vstep phần 1: Hướng dẫn, thông báo.....	20
Hướng dẫn luyện Nghe Vstep phần 2 & 3: Nghe hội thoại và bài giảng	21
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI ĐỌC VSTEP	22
Các dạng câu hỏi trong bài Đọc hiểu Vstep.....	22
02 kỹ năng Đọc hiểu quan trọng: skimming & scanning	23
Thực hành Đọc hiểu	26
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI VIẾT VSTEP.....	32
VIẾT THƯ (VIẾT TƯƠNG TÁC)	32
07 loại bài viết thư thường gặp trong bài thi phần 1 Vstep Writing.....	33
04 tiêu chí chấm điểm bài thi viết thư Vstep	34
Các bước thực hành viết thư.....	35
Thực hành viết một lá thư hoàn chỉnh	35
Luyện viết thư theo đề	37
VIẾT LUẬN (VIẾT SẢN SINH)	39
Các loại bài luận thường gặp	40
04 tiêu chí chấm điểm bài thi viết luận Vstep.....	43
Thực hành viết luận	44
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI NÓI VSTEP.....	46
10 lời khuyên chung dành cho bài thi nói Vstep	46
Hướng dẫn làm bài thi nói phần 1: Tương tác xã hội	49
Hướng dẫn làm bài thi nói phần 2: Thảo luận giải pháp	52

Hướng dẫn làm bài thi nói phần 3: Phát triển chủ đề	55
Các tính năng mới của phần mềm luyện thi tiếng Anh A2-B1-B2-C1	57
Đề thi mẫu Vstep.....	60

**“Học không bằng hỏi
Dạy không bằng dỗ
Truyền đạt kiến thức không bằng
Truyền đạt con đường tìm tới tri thức”**



Cô Lê Vy

Đồng sáng lập trung tâm Anh ngữ VIVIAN

Giới thiệu tài liệu

Thân gửi các bạn chuẩn bị thi lấy chứng chỉ B1, B2, C1!

Kỳ thi tiếng Anh Vstep (một số trường gọi là 3 bậc B1-C1) đánh giá năng lực tiếng Anh từ bậc 3 đến 5 theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam đã được Bộ GD&ĐT ban hành từ tháng 03 năm 2015. Tuy nhiên, nhiều tài liệu ôn thi Vstep chia sẻ không có hệ thống hoặc đến từ nguồn không đáng tin cậy do bản thân tự người học chia sẻ và nhiều người trong số đó trình độ tiếng Anh còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, do bài thi đánh giá 3 trình độ B1, B2, C1 và bản thân nhiều người học không xác định được tài liệu được chia sẻ đạt trình độ nào và có phù hợp với mục tiêu mà mình đang hướng đến hay không. Ngoài ra, còn nhiều người do ở xa không có điều kiện học với giảng viên tốt, chất lượng.

Thấu hiểu những khó khăn của các bạn, Anh ngữ VIVIAN đã cùng đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, là những thầy cô trực tiếp đứng lớp giảng dạy các lớp ôn thi Vstep đã soạn ra quyển sách này và chương trình học online giúp bạn dễ dàng thi đạt một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Quyển sách này giúp bạn những gì?

- Hiểu rõ về định dạng bài thi, cách tính điểm
- Hướng dẫn phương pháp làm bài thi từng kỹ năng, từng phần trong kỳ thi
- Bài tập ôn luyện sát với nội dung thi, trình độ
- Ôn luyện nhanh chóng

Anh Ngữ VIVIAN đưa ra tất cả những thứ bạn cần và bây giờ có thi đạt hay không là sự cố gắng và nỗ lực của bạn.

Có nhiều bạn tiếng Anh rất khá nhưng vẫn thi không qua vì chưa nghiên cứu kỹ định dạng bài thi, phương pháp làm bài cũng như căn thời gian cho mỗi bài tốt dẫn tới làm bài viết thiếu thời gian mà vẫn chưa đủ ý. Nhiều bạn quá tập trung vào bài viết thư mà không nhớ rằng điểm bài viết luận gấp đôi bài viết thư.

Chỉ cần bạn cố gắng đọc và làm theo những phương pháp trong quyển tài liệu này VIVIAN tin rằng bạn sẽ dễ dàng thi đạt chứng chỉ mà bạn mong muốn.

Tái bút: Anh ngữ VIVIAN đã giúp hơn 10000 bạn trên cả nước thi đạt chứng chỉ A2, B1, B2, C1. Có rất nhiều bạn chỉ còn 1 tuần để ôn luyện nhưng đã làm theo những chiến lược trong quyển sách này đã thi đạt chứng chỉ mong muốn.

VIVIAN đảm bảo rằng những phương pháp làm bài và những kinh nghiệm được chia sẻ trong cuốn sách này chắc chắn sẽ là kim chỉ nam để các bạn ôn luyện Vstep đạt được trình độ tiếng Anh mong muốn chỉ cần bạn nỗ lực và quyết tâm.

HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT TÀI LIỆU

Tài liệu này được **cung cấp miễn phí** cho các bạn và trung tâm sẽ cập nhật phiên bản tài liệu này liên tục.

Hiện tại đây là phiên bản 5.0 và để cập nhật bản mới hơn, vui lòng truy cập vào đây.

[Download](#)

[Phiên bản mới](#)



THÔNG TIN LIÊN HỆ LUYỆN THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH A2, B1, B2, C1

Trung tâm Anh ngữ VIVIAN

Website: <https://tienganhb1.com/>

SĐT: 024 710 696 88

Hotline: 097 484 2326 – 098 23 20 842 – 097 44 98 347 – 096 466 2347

Email: tienganhb1.com@gmail.com

Fanpage: <https://www.facebook.com/TiengAnhB12>

Nhóm: [Cộng đồng luyện thi Vstep \(A2, B1, B2, C1\)](#)

Giới thiệu bài thi Vstep

Vstep là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014.

Trình độ	Bậc	Chứng chỉ/ chứng nhận
Cao cấp	6	C2
	5	C1
Trung cấp	4	B2
	3	B1
Sơ cấp	2	A2
	1	A1

Trong phạm vi cuốn tài liệu này, chúng tôi chỉ đề cập đến kỳ thi Vstep.3-5 đánh giá trình độ B1, B2, C1. Định dạng bài thi VSTEP.3-5 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chính thức theo Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 và đây là công trình nghiên cứu của nhóm giảng viên trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội do GS. Nguyễn Hòa, nguyên Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội làm chủ biên.

Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội bắt đầu tổ chức kỳ thi Vstep.3-5 ngày 16/05/2015 và sau đó hàng loạt các trường được Bộ GD&ĐT giới thiệu cũng tổ chức kỳ thi này.

Việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện thực hiện theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 09 năm 2017.

Đơn vị tổ chức kỳ thi tiếng Anh B1, B2, C1 Vstep

Tính đến tháng 08 năm 2020, có những đơn vị sau được Bộ GD&ĐT cấp phép tổ chức khảo thí tiếng Anh theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Trong đó, 4 trường đầu tiên được cấp phép lại từ cuối năm 2018 và 4 trường sau trong danh sách được cấp phép tổ chức thi vào ngày 14 tháng 05 năm 2019. Hiện tại, hầu hết các trường trong danh sách tổ chức thi trên máy. ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQGHN hiện tại vẫn đang tổ chức thi trên giấy.

1. Đại học Ngoại Ngữ Quốc Gia Hà Nội
2. Đại học Huế
3. Đại học Đà Nẵng
4. Đại học Sư phạm TpHCM
5. Đại học Cần Thơ
6. Đại học Hà Nội
7. Đại học Thái Nguyên
8. Đại học Sư phạm Hà Nội
9. Đại học Vinh
10. Đại học Sài Gòn
11. Đại học Văn Lang
12. Đại học Trà Vinh

Để xem lịch thi chứng chỉ tiếng Anh A2, B1, B2, C1 cập nhật nhất của tất cả các đơn vị này, vui lòng xem tại link: <http://vstep.edu.vn/lich-thi-tieng-anh-a2-b1-b2>

Hoặc <http://a2b1b2c1.tienganhb1.com/LichThi>

Cấu trúc bài thi Vstep và cách tính điểm

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.
Đọc	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.
Viết	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2

				chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.
Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút	3 phần	<p>Phần 1: <i>Tương tác xã hội</i></p> <p>Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau.</p> <p>Phần 2: <i>Thảo luận giải pháp</i></p> <p>Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.</p> <p>Phần 3: <i>Phát triển chủ đề</i></p> <p>Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.</p>

Ban hành kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-BGDĐT

ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cách tính điểm

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

B1: 4.0 – 5.5/ B2: 6.0 - 8.0/ C1: 8.5 - 10

2. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực

Điểm trung bình	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
Dưới 4,0	Không xét	Không xét khi sử dụng định dạng đề thi này.
4,0 – 5,5	3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
6,0 – 8,0	4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
8,5 – 10	5	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng tốt các kiểu tổ chức văn bản, liên từ và các phương tiện liên kết.

Các chủ điểm ngữ pháp kỳ thi Vstep

Động từ

- Động từ có quy tắc và bất quy tắc
- Danh động từ và động từ nguyên thể
- Bị động với thì hiện tại đơn và quá khứ đơn
- Câu cầu khiến với have/ get

Động từ khuyết thiếu

Can, could, would, will, shall, should, may, might, have to, ought to, must, mustn't, need, needn't

Thì của động từ

- ✦ Thì hiện tại đơn
- ✦ Thì hiện tại tiếp diễn
- ✦ Thì hiện tại hoàn thành
- ✦ Thì quá khứ đơn
- ✦ Thì quá khứ tiếp diễn
- ✦ Thì quá khứ hoàn thành
- ✦ Thì tương lai đơn
- ✦ Thì tương lai gần với going to
- ✦ Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn chỉ tương lai
- ✦ So/nor
- ✦ Câu điều kiện loại 0, 1, 2
- ✦ Câu gián tiếp thể trần thuật, câu hỏi và mệnh lệnh với say, ask, tell
- ✦ Câu hỏi gián tiếp với know, wonder

Danh từ

- ✦ Danh từ số ít và số nhiều
- ✦ Danh từ đếm được và không đếm được với some và any
- ✦ Danh từ trừu tượng
- ✦ Cụm danh từ

- ✦ Sở hữu với: 's & s', a friend of theirs

Đại từ

- ✦ Đại từ nhân xưng làm chủ ngữ, tân ngữ, sở hữu, phản thân
- ✦ It, there
- ✦ Đại từ chỉ định: this, that, these, those
- ✦ Đại từ bất định: some, any, something, one, etc.
- ✦ Đại từ quan hệ: who, which, that, whom, whose
- ✦ Mạo từ: a/ an/the

Tính từ

- ✦ Màu sắc, kích cỡ, hình dáng, quốc tịch
- ✦ Số đếm và số thứ tự
- ✦ Tính từ sở hữu: my, your, his, her, etc.
- ✦ Tính từ chỉ định: this, that, these, those
- ✦ Tính từ chỉ lượng: some, any, many, much, a few, a lot of, all, other, every, etc.
- ✦ So sánh hơn và hơn nhất
- ✦ (not) as ... as, not ... enough to, too ... to

Trạng từ

- Trạng từ chỉ cách thức, tần suất, thời gian, mức độ, địa điểm, hướng
- too, either
- So sánh hơn và hơn nhất

Giới từ

- Địa điểm: to, on, inside, next to, at (home), etc.
- Thời gian: at, on, in, during, etc.
- Hướng: to, into, out of, from, etc.
- Cách thức: by, with
- Giới từ khác: like, as, due to, owing to, etc.
- Cụm giới từ: at the beginning of, by means of, etc.
- by car, for sale, at last, etc.
- advice on, afraid of,
- laugh at, ask for, etc.

Liên từ

- and, but, or, either ... or
- when, while, until, before, after, as soon as
- where
- because, since, as, for
- so that, (in order) to
- so, so ... that, such ... that
- if, unless
- although, while, whereas

Các chủ điểm từ vựng kỳ thi Vstep

1. Bản thân
2. Nhà cửa
3. Cuộc sống hàng ngày
4. Vui chơi, giải trí, thời gian rảnh
5. Đi lại, du lịch
6. Mối quan hệ với những người xung quanh
7. Sức khỏe và cuộc sống thân thể
8. Giáo dục
9. Mua bán
10. Thực phẩm, đồ uống
11. Các dịch vụ
12. Các địa điểm, địa danh
13. Ngôn ngữ
14. Thời tiết

Các chủ điểm từ vựng hữu ích cho bài thi Viết Vstep

[Xem toàn bộ các chủ điểm](#)

[Từ vựng cho kỳ thi VSTEP](#)



Định dạng bài thi Vstep

NGHE VSTEP (35 câu hỏi - khoảng 40 phút bao gồm 7 phút tô đáp án)

Nghe phần 1 (08 câu hỏi): Nghe 08 hướng dẫn, thông báo

Nghe phần 2 (12 câu hỏi): Nghe 03 bài hội thoại, mỗi bài hội thoại tương ứng 04 câu hỏi

Nghe phần 3 (15 câu hỏi): Nghe 03 bài giảng, bài thuyết trình. Mỗi bài đi kèm 05 câu hỏi

ĐỌC VSTEP (40 câu hỏi – 60 phút)

Đọc 04 bài đọc có tổng độ dài khoảng 2000 từ. Mỗi bài đọc có 10 câu hỏi trắc nghiệm đi kèm.

VIẾT VSTEP (02 bài viết – 60 phút)

Bài 1: Viết tương tác – viết thư hoặc email

Bài 2: Viết sản sinh – viết luận

NÓI VSTEP (03 phần – 12 phút)

Nói phần 1: Giao tiếp xã hội. Giám khảo hỏi thí sinh về 02 chủ điểm quen thuộc, mỗi chủ điểm 03 câu hỏi.

Nói phần 2: Thảo luận giải pháp. Thí sinh được cung cấp một hướng với 03 lựa chọn. Thí sinh chọn giải pháp tối ưu nhất và đưa ra lập luận đồng thời phản biện 02 lựa chọn còn lại.

Nói phần 3: Phát triển chủ đề. Thí sinh được yêu cầu trình bày quan điểm về một vấn đề dựa trên 03 ý đã cho sẵn hoặc tự phát triển ý kiến cá nhân. Sau đó, giám khảo sẽ hỏi thêm một vài câu hỏi mở rộng liên quan đến chủ đề

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI NGHE VSTEP LISTENING



HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI NGHE VSTEP

Phần thi nghe hiểu Vstep Listening bao gồm 03 phần với 35 câu hỏi. Phần 1 – nghe hướng dẫn, thông báo 8 câu hỏi, phần 2 nghe 03 hội thoại kèm 04 câu hỏi mỗi đoạn, phần 3 nghe 03 bài giảng, bài thuyết trình kèm 05 câu hỏi mỗi bài. Các bài nghe có độ khó tăng dần theo từng phần. Đối với trình độ B1, chỉ cần luyện nghe tốt phần số 01 và phần số 2. Đối với trình độ tiếng Anh B2, C1 cần tập trung luyện cả 03 phần.

Phương pháp luyện Nghe hiểu Vstep Listening từ mất gốc tới trình độ B1, B2

Nhìn chung, so với định dạng bài thi cũ sau đại học, nghe hiểu theo Vstep khó hơn. Tuy nhiên, bài thi Vstep trắc nghiệm hoàn toàn và không tính điểm liệt. Vì vậy, bạn chỉ cần tập trung làm những câu dễ và những câu khó có thể làm theo hướng phỏng đoán.

Với những bạn xuất phát điểm tiếng Anh gần như mất gốc nên bắt đầu ôn tập kỹ năng Viết lại câu, viết và Nói trước khi chuyển sang kỹ năng Đọc rồi Nghe để sau cùng. Nhưng dù thế nào đi nữa, việc học nghe vẫn cần thiết trong quá trình luyện thi.

Giai đoạn 1: Luyện nghe từ mất gốc tới B1

Đối tượng

- Mất gốc
- Chỉ có cơ bản nhưng không dùng đến

Phương pháp

- Ghép âm với script
- Nghe 01 bài nhiều lần

Nguồn bài nghe

- Luyện Nghe Vstep phần 01 - Hướng dẫn, thông báo

Phương pháp nghe kết hợp script dành cho ai?

Trình độ nghe từ mất gốc áp dụng đối với những bạn hồi cấp 03 hay Đại học đã từng học qua tiếng Anh rồi nhưng học không bài bản hoặc do không phải là môn chính nên không chú trọng hay người đi làm đã từng học qua tiếng Anh nhưng không sử dụng nên hầu như không nhớ gì cả. Bây giờ do yêu cầu trình độ tiếng Anh B1 nên không biết bắt đầu luyện nghe từ đâu.

Cách thức luyện tập theo phương pháp nghe kết hợp script?

Phương pháp nghe kết hợp script này hướng đến việc ghép đúng âm thanh với lời bài nghe. Tức là trong băng người ta nói từ gì thì mình bắt kịp được từ đó. Bạn nên nghe đi nghe lại một bài nhiều lần cho tới khi nhận ra được mọi từ trong bài nghe và hiểu hết được ý nghĩa của nó trước khi chuyển sang bài mới. Hãy nhớ trong giai đoạn này, NGHE 01 BÀI NHIỀU LẦN sẽ tốt hơn rất nhiều so với việc NGHE NHIỀU BÀI 01 LẦN. Trong giai đoạn đầu làm bài, có thể rất nhiều lần bạn phải thốt lên ‘ô, hóa ra là từ này’ vì từ trước do phát âm Sai nên bạn biết từ đó nhưng lại nghe không ra.

Vậy nguồn bài tập luyện nghe có script này ở đâu?

Bạn vào TiengAnhB1.com, mục luyện thi Vstep Online kỹ năng Nghe để vừa luyện nghe kết hợp script lại vừa luyện dạng thức bài thi:

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/VstepL1>

Vào luyện nghe
VSTEP



Ở giai đoạn 1 này, bạn có thể dùng tai nghe để âm thanh rõ ràng và dễ nghe hơn.

Chúng tôi tin chắc rằng chỉ trong khoảng thời gian ngắn dưới 1 tháng khả năng nghe của bạn sẽ tiến bộ rõ rệt.



Bài luyện: P1 Hướng dẫn thông báo

Website: tienganhb1.com
Hotline: 097 44 98 347

Thời gian còn lại: 6 phút, 52 giây

Xem kết quả Nghe luyện tập từng đoạn

1. Which part(s) of England will have the heaviest rainfall?

- ☐ A London and south-east
- ☐ B Northern
- ☐ C Western and Central
- ☐ D mainland Britain

2. What should you do in case of losing money?

- ☐ A call the lost property office
- ☐ B to contact the police to make a statement
- ☐ C to contact your bank immediately
- ☐ D go to the lost property office

3. Why can't she be at the meeting?

- ☐ A Her flight was delayed.
- ☐ B She is feeling unwell.
- ☐ C Her car has broken down.
- ☐ D Her train was delayed.

4. What was stolen in the burglary?

Giai đoạn 2: Luyện nghe trình độ B1, B2, C1

Đối với những bạn mất gốc đã luyện qua giai đoạn 01 hoặc những bạn có nền tảng tiếng Anh khá vững chắc rồi thì có thể tiến thẳng vào giai đoạn 02: luyện thi Vstep trình độ B1, B2, C1. Như đề cập ở phía trên, các bài luyện có độ khó tăng dần theo từng phần. Vì vậy, ở trình độ B1 bạn chỉ cần tập trung luyện hết phần 1 và một số bài phần 2. Bài nghe phần 03 bạn chỉ nghe một vài bài cho quen dạng thức thi.

Một số lưu ý ở giai đoạn luyện thi:

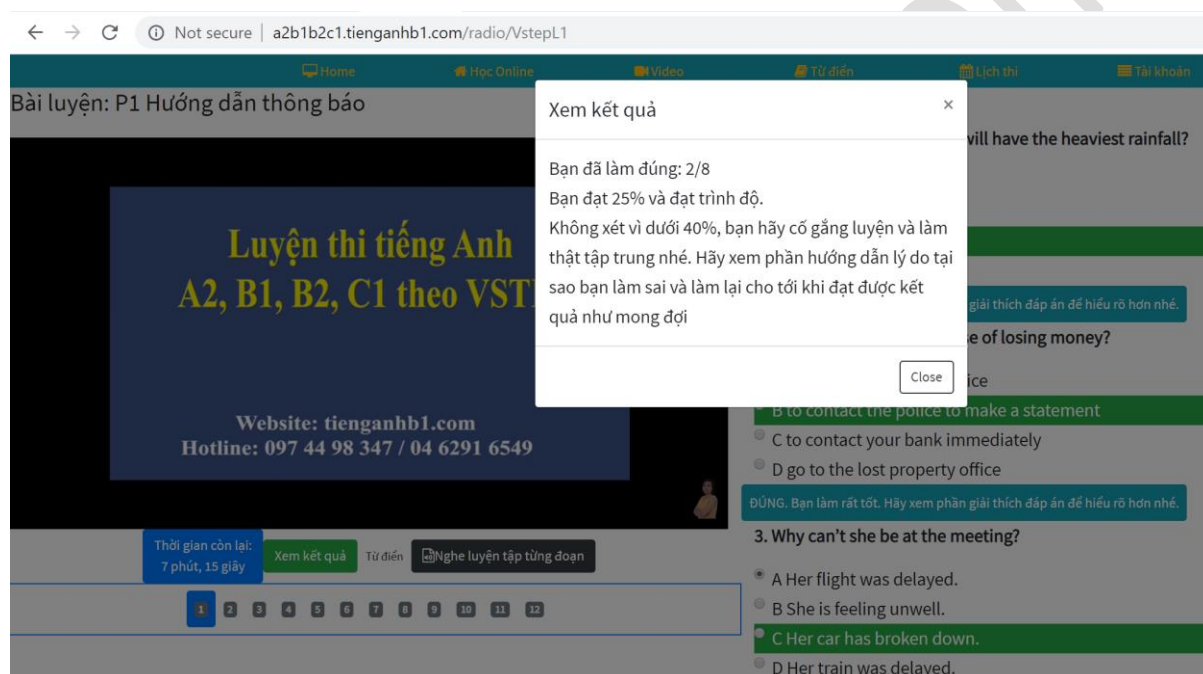
- **Hãy nghe bằng loa ngoài thay vì tai nghe.** Tại sao ư? Trong thực tế thi nghe, thí sinh phải nghe bằng loa ngoài trong một phòng có khoảng 20 – 25 thí sinh. Phòng rộng khiến âm thanh nghe sẽ khó hơn việc nghe bằng loa.
- **Đừng cố gắng dịch bài nghe ra tiếng Việt** vì nếu làm như vậy, bạn sẽ chẳng thể kịp hiểu những câu phía sau.
- **Đừng gắng nghe mọi từ trong bài** vì thực tế bạn chỉ cần nghe những từ mang nội dung (content words) là những danh từ, động từ, tính từ, trạng từ... là đủ hiểu và bỏ qua những từ chức năng, ví dụ mạo từ.
- **Hãy dành thời gian trước khi nghe** và trong khi đọc hướng dẫn để đọc nội dung câu hỏi, gạch chân các từ khóa để định hướng thông tin sẽ cần nghe. Vì trong quá trình luyện tập bạn đã phải làm quen với dạng thức bài nghe và yêu cầu cũng như cách làm mỗi phần rồi.

Hướng dẫn luyện Nghe Vstep phần 1: Hướng dẫn, thông báo

Hướng dẫn luyện Nghe Vstep phần 1: Hướng dẫn, thông báo

Kỳ thi Nghe Vstep kiểm tra khả năng nghe hiểu thông báo, hướng dẫn. Thí sinh có thể sẽ nghe thông báo về thời gian làm việc của một cơ quan, nghe bản tin dự báo thời tiết, nghe thông báo ở nhà ga, sân bay... Làm quen với dạng nghe thông báo, hướng dẫn giúp thí sinh tập trung ôn tập đúng ngôn ngữ đồng thời tăng kỹ năng làm bài thi.

Trung tâm Anh ngữ Vivian đã tập hợp các tài liệu luyện nghe thông báo, hướng dẫn theo dạng thức Vstep trong chương trình Vstep Online.



Sau khi chọn đáp án, bạn sẽ biết điểm ngay lập tức. Bạn có thể nghe kèm lời bài nghe khi bấm “Nghe luyện tập từng đoạn”. Bạn cũng có thể xem hướng dẫn trả lời để biết tại sao chọn đáp án này mà không chọn đáp án khác.

Luyện nghe thông báo, hướng dẫn Vstep

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/VstepL1>

Hướng dẫn luyện Nghe Vstep phần 2 & 3: Nghe hội thoại và bài giảng

Phần 2 (12 câu hỏi), thí sinh nghe 3 đoạn hội thoại, mỗi đoạn hội thoại đi kèm với 4 câu hỏi.

Phần 3 (15 câu hỏi), thí sinh nghe 3 bài giảng bài nói chuyện. Mỗi bài nói có 5 câu hỏi.

Trong phần này thí sinh sẽ nhìn thấy câu hỏi tương ứng với các lựa chọn trả lời. Vì vậy, trước khi nghe, hãy dành thời gian để đọc lướt nhanh và phỏng đoán đáp án. Trong nhiều trường hợp, bạn có thể chọn ngay được đáp án trước khi bắt đầu vào nghe. Trước khi bắt đầu nghe cũng cần tìm các từ khóa trong câu hỏi để biết được thông tin nào sẽ cần.

LUYỆN NGHE VSTEP PHẦN 2: HỘI THOẠI**LUYỆN NGHE VSTEP PHẦN 3: BÀI NÓI CHUYỆN**

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI ĐỌC VSTEP



Trong kỳ thi Đọc Vstep (Vstep reading), thí sinh sẽ đọc 4 bài văn có độ dài khoảng 500 từ trong vòng 01 giờ đồng hồ với nhiều dạng bài đọc khác nhau.

Thông thường, thí sinh cũng cảm thấy khá choáng ngợp với bài đọc dài và nhiều từ vựng khó. Tuy nhiên, đối với trình độ B1 chỉ yêu cầu 4.0/10 (điểm đã làm tròn, tức là 3.75 cũng đã Đạt yêu cầu) thì việc luyện Đọc trước kỳ thi, đặc biệt là biết xác định dạng câu hỏi, áp dụng đúng kỹ năng tìm câu trả lời đã đạt yêu cầu.

Trong các phần sau, chúng ta sẽ tìm hiểu về các dạng câu hỏi trong bài Đọc hiểu Vstep, hai kỹ năng đọc hiểu chính.

Các dạng câu hỏi trong bài Đọc hiểu Vstep

- Nhận biết đại từ
- Tìm thông tin chi tiết
- Tìm ý chính
- Đọc đoán ý tác giả
- Thông tin suy ra từ trong bài
- Điền câu vào văn bản
- Giải nghĩa câu

02 kỹ năng Đọc hiểu quan trọng: skimming & scanning

Trước tiên, hãy cùng luyện 02 kỹ năng Đọc hiểu chính: skimming và scanning

Hai kỹ năng Đọc này cực kỳ quan trọng không chỉ trong tiếng Anh mà cả tiếng Việt. Điểm giống nhau ở chỗ, cả hai kỹ năng này đều là đọc lướt để lấy thông tin. Tuy nhiên, trong khi skimming là kỹ năng đọc lướt để lấy thông tin tổng quan thì scanning lại nhằm mục đích lấy thông tin chi tiết, chẳng hạn như một con số, ngày tháng, lí do...

Các bước Skimming

- Đọc tiêu đề bài đọc
- Đọc đoạn đầu tiên
- Đọc câu đầu tiên của các đoạn sau
- Đọc đoạn cuối cùng

Các bước scanning

- Luôn nghĩ trong đầu thông tin cần tìm
- Phỏng đoán dạng thông tin có thể phải tìm như con số, danh từ riêng...
- Phân tích cấu trúc bài đọc trước khi bắt đầu scan. Bài thi Vstep thường là bài đọc khá dài, vì vậy cần dùng kĩ năng skim để xác định được đoạn văn bản nào có thể chứa thông tin cần tìm. Sau khi định vị được thông tin, đọc toàn bộ câu để lấy thông tin chi tiết.
- Lưu ý, khi scan, có thể bạn sẽ phải bỏ qua nhiều nội dung mà không cần hiểu chúng.

Để làm tốt phần thi Đọc hiểu, đầu tiên, thí sinh cần xác định được rõ câu hỏi thuộc loại nào và áp dụng kỹ năng Đọc gì. Ngoài ra, việc bổ trợ vốn từ vựng có ý nghĩa then chốt. Yếu tố cuối cùng giúp thí sinh làm tốt bài thi Đọc là kỹ năng Đọc dưới áp lực thời gian. Thông thường thí sinh thường cảm thấy thiếu thời gian khi Đọc. Việc luyện tập một bài đầy đủ theo đúng thời gian quy định giúp thí sinh tăng tốc trong kỳ thi Đọc.

Trung tâm Anh ngữ Vivian đã soạn thảo các dạng bài đọc theo từng loại câu hỏi như trên, đồng thời có các bài đọc hiểu tổng hợp các dạng câu hỏi giúp thí sinh chuẩn bị tốt cho kỳ thi tiếng Anh B1, B2, C1 Vstep.

a2b1b2c1.tienganhb1.com/MenuHoc/2/6/Đọc

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

VSTEP Đọc

Từ vựng Thông tin chi tiết Ý chính

Thông tin suy ra Các kỹ năng Đọc khác Đọc tổng hợp

Các dạng câu hỏi thường gặp trong bài thi Đọc Vstep

← → ↺ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/VSTEPR1

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Bài luyện: Từ vựng

Smog

The oxidation of exhaust gases is one of the primary sources of the world's pollution. The brown haze that is **poised** over some of the world's largest cities is properly called *photochemical smog*; it results from Chemical reactions that **take place** in the air, using the energy of sunlight. The production of smog begins when gases are created in the cylinders of vehicle engines. It is there that oxygen and nitrogen gas combine as the fuel burns to form nitric oxide (NO), a colorless gas. The nitric oxide is **forced** out into the air through the vehicle tailpipe along with other gases.

When the gas reaches the air, it comes into contact with available oxygen from the atmosphere and combines with the oxygen to produce nitrogen dioxide (NO₂), which is a gas with a brownish **hue**. This nitrogen dioxide **plays a role in** the formation of acid rain in wetter or more humid climates and tends to decompose back into nitric oxide as it releases an oxygen atom from each molecule; the released oxygen atoms quickly combine with oxygen (O₂) molecules to form ozone (O₃). The brownish colored nitrogen dioxide is partially responsible for the brown color in smoggy air; the ozone is the toxic substance that causes irritation to eyes.

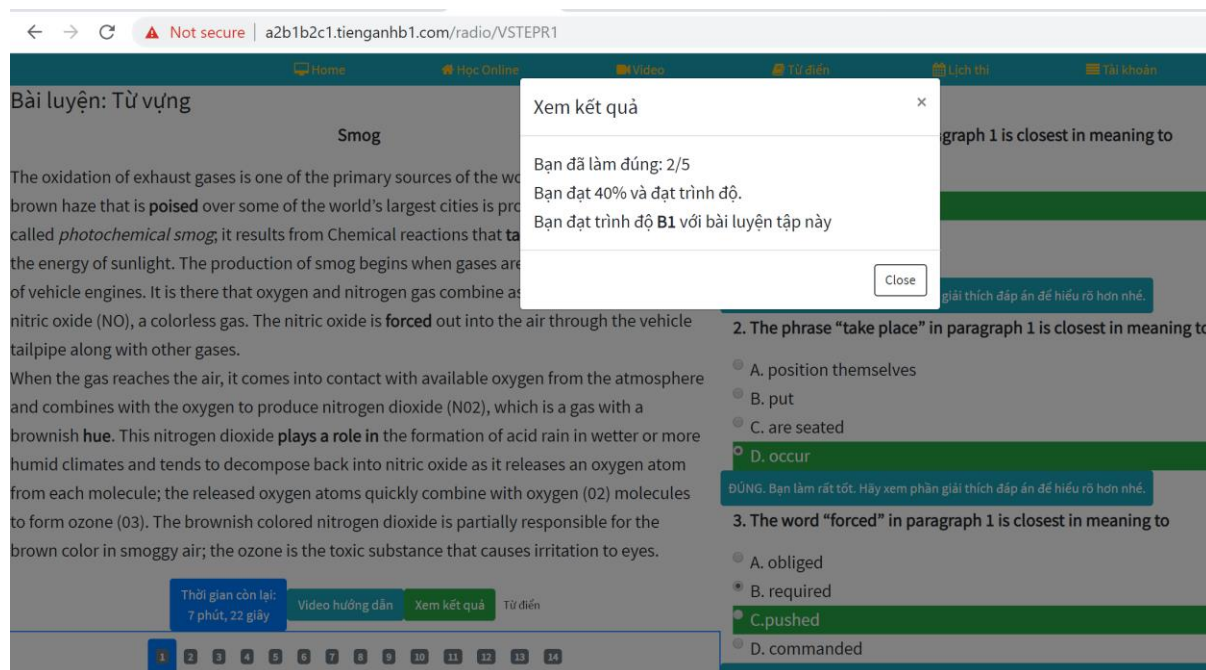
Thời gian còn lại: 6 phút, 9 giây Video hướng dẫn Xem kết quả

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14

- The word "poised" in paragraph 1 is closest in meaning to
 - ☐ A. interacting
 - ☐ B. sitting
 - ☒ C. blowing
 - ☐ D. poisoning
- The phrase "take place" in paragraph 1 is closest in meaning to
 - ☐ A. position themselves
 - ☐ B. put
 - ☒ C. are seated
 - ☐ D. occur
- The word "forced" in paragraph 1 is closest in meaning to
 - ☐ A. obliged
 - ☒ B. required
 - ☐ C. pushed
 - ☐ D. commanded
- The word "hue" in paragraph 2 could best be replaced by
 - ☐ A. color
 - ☐ B. odor

Bài luyện tập theo các dạng câu hỏi và luyện đọc tổng hợp Vstep kèm đáp án

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/radio/VSTEPR1>



Hệ thống tự động chấm điểm giúp bạn biết trình độ hiện tại với từng bài luyện.

Hướng dẫn trả lời giúp bạn biết tại sao chọn một đáp án nhất định.

[Bài tập luyện đọc](#)
[từ vựng, tham chiếu](#)



Một số điểm cần lưu ý khi luyện Đọc Vstep

Giai đoạn đầu đọc sẽ rất chậm

Đối với những bạn không chuyên tiếng Anh và ít tiếp xúc với tiếng Anh thì khi bắt đầu luyện đọc Vstep sẽ cảm thấy tốc độ rất chậm do có quá nhiều từ mới nên cứ phải tra từng từ từng chữ mới hiểu được. Giải pháp là bạn nên chọn lọc những bài Đọc mà chủ đề quen thuộc hơn với bạn để luyện trước. Mục đích là vừa để bạn làm quen với tiếng Anh, vừa để có đủ vốn từ vựng đã biết để phán đoán nghĩa của những từ chưa biết. Như vậy, việc hiểu tổng thể toàn văn bản không bị ảnh hưởng gì.

Hãy tập trung vào nội dung mà bạn đang đọc thay vì tập trung học tiếng Anh

Ý tôi ở đây là bạn hãy cố gắng hiểu nghĩa của câu dựa trên vốn từ vựng đã biết kết hợp với việc phán đoán. Dành quá nhiều thời gian tra từ, ghi chép cấu trúc câu chỉ làm tốc độ đọc chậm lại, hơn nữa sẽ khiến bạn cảm thấy dễ bị nản chí. Trên thực tế, bài đọc thường chứa khá nhiều từ mới cả với những bạn chuyên tiếng Anh. Thông thường, từ vựng được chia thành 02 loại: từ vựng cần biết và không cần biết. Những từ cần biết là những từ thông dụng và thường bạn sẽ ghi nhớ chúng do gặp nhiều lần. Ngược lại, có những từ mang nghĩa chuyên ngành, ít gặp thì dù có tra từ điển nhưng có lẽ bạn sẽ lại quên chúng nhanh chóng.

Thực hành Đọc hiểu

PASSAGE 1- Questions 1-10

Ever wondered what it feels like to have a different job? Here, four people with very different careers reveal the trade secrets of their working day.

Luc

My day typically starts with a business person going to the airport, and nearly always ends with a drunk. I don't mind drunk people. Sometimes I think they're the better version of themselves: more relaxed, happier, honest. Only once have I feared for my life. A guy ran out at a traffic light and so I sped up before his brother could run, too. He seemed embarrassed and made me drop him at a car park. When we arrived, the first guy was waiting with a boulder, which went through the windscreen, narrowly missing my head. But the worst people are the ones who call me "Driver!"

Harry

I not only provide appearance for my client, I also do damage control. We've had clients involved in lawsuits, divorces or drugs. One mistakenly took a gun to an airport. On the red carpet – at the Academy Awards or the Golden Globes – I'm the person making my

client look good. The other day at an Oprah Winfrey event, the carpet wasn't put down properly and my clients almost went flying – I had to catch them. They can make some strange requests, too. At a black-tie gala at the White House, two clients hated the dinner and insisted that we **circle** around Washington DC to find a KFC open at 1a.m. I had to go in wearing a gown and order so they could eat it in the car.

Jennifer

I could teach you to do a basic brain operation in two weeks. But what takes time and experience is doing it without wrecking the brain of the patients - **learning your limitations takes years.**

I ended up working as a pediatric neurosurgeon because children make better recoveries from brain damage than adults. So it's more rewarding in terms of outcome and I find **their** resilience really inspiring. It's taken me a decade to become comfortable discussing an operation with children, but they have to be able to ask questions. You have to show them respect. Sometimes their **perspective** is funny; most teenage girls just want to know how much hair you'll shave off.

I don't get upset by my job. These children are dying when they come in and I do whatever I can to make them better.

Solange

When you become a judge after years of being a barrister and trying to make points that win cases, you have to remember that a huge part of what you do is listening - to advocates, to witnesses, to defendants. Behind closed doors most judges, even very experienced **ones**, are much more anxious about their work than most people might think. We agonise over what we do and the decisions we have to make. It would be bizarre to say that as a judge, we learn to be less judgmental. But as you see the complex and difficult lives of the people who end up in front of you, you realise that your job is not so much to judge them as to ensure that everyone receives justice.

1. In the first paragraph, what best paraphrases the sentence '**My day typically starts with a business person going to the airport, and nearly always ends with a drunk**'?

- A. Normally, I will take a business person and a drunk at the airport.
- B. Normally, I will go to the airport in the morning and come back with a drunk.
- C. Normally, my first passenger will be a businessman and my last one a drunk.

D. Normally, I will drive a businessman to the airport and come back almost drunk.

2. What does Harry probably do for a living?

A. A tour guide

B. An agent

C. A lawyer

D. A driver

3. The word ‘**circle**’ in line 17 could be best replaced by

A. drive

B. look

C. walk

D. ride

4. In lines 23-24, what does Jennifer mean when she says, ‘**Learning your limitations takes years**’?

It takes a person a long time to

A. control his weakness in a brain operation.

B. understand what he cannot help.

C. perform even a basic operation.

D. be able to perform a brain surgery.

5. The word ‘**their**’ in line 25 refers to

A. patients’

B. neurosurgeons’

C. children’s

D. adults’

6. The word ‘**perspective**’ in line 28 is closest in meaning to

A. question

B. worry

C. view

D. prospective

7. According to the passage, whose job involves in a large part listening to others?
- A. Luc's
 - B. Harry's
 - C. Jennifer's
 - D. Solange's
8. According to the passage, who is likely to meet different types of people every day?
- A. Luc
 - B. Harry
 - C. Jennifer
 - D. Solange
9. The word '**ones**' in line 34 refers to
- A. judges
 - B. barristers
 - C. advocates
 - D. defendants
10. What is the purpose of this passage?
- A. To inform people of what to expect in those jobs.
 - B. To report what different people do and think about their jobs.
 - C. To raise awareness of the importance of different jobs.
 - D. To discuss the advantages and disadvantages of these jobs.

Hướng dẫn trả lời

Câu 1: C

Từ “drunk” dễ gây nhầm lẫn với ý nghĩa tính từ “bị say” nhưng khi đặt trong văn cảnh bài “I don’t mind drunk people”, ta có thể hiểu là người say. Như vậy, ý nghĩa của câu: thông thường một ngày của tôi bắt đầu bằng việc chở một doanh nhân đến sân bay và gần như luôn kết thúc ngày làm việc chở một người say.

Câu 2: B

Dạng thông tin chi tiết cần xác định từ khóa Harry và do a living

Công việc của Harry liên quan đến nhiều lĩnh vực như provide appearance (về bề ngoài), damage control (kiểm soát rủi ro). We've had clients involved in lawsuits, divorces or drugs

Câu 3: A

Cuối đoạn văn, tác giả nói “they could eat it in the car”

Câu 4: D

I could teach you to do a basic brain operation in two weeks. (Chỉ mất 2 tuần để tôi có thể dạy bạn cách phẫu thuật não cơ bản) But what takes time and experience is doing it without wrecking the brain of the patients - **learning your limitations takes years.** (nhưng sẽ mất nhiều thời gian và kinh nghiệm để phẫu thuật não mà không làm hỏng não của bệnh nhân)

Câu 5: C

Dạng câu tham chiếu, đại từ thay thế cho danh từ đứng phía trước nó. Đặt vào văn cảnh trong bài, “So it's more rewarding in terms of outcome and I find **their** resilience really inspiring.” (bởi vậy kết quả xứng đáng hơn và tôi cảm thấy rất hào hứng với sự hồi phục của trẻ em.)

Câu 6: C

Câu 7: D

Câu hỏi dạng thông tin chi tiết, từ khóa “large part listening to others” = “a huge part of what you do is listening”

Câu 8: A

Câu hỏi dạng thông tin chi tiết, từ khóa “likely to meet different types of people every day” (ai có thể gặp gỡ nhiều loại người hàng ngày) → Luc (driver)

Câu 9: A

Câu hỏi tham chiếu

Behind closed doors most judges, even very experienced **ones** (Đằng sau những cánh cửa khép lại thì hầu hết thẩm phán, kể cả những người rất nhiều kinh nghiệm)

Câu 10: B

Câu hỏi ý chính, thông tin ở phần đầu tiên của bài

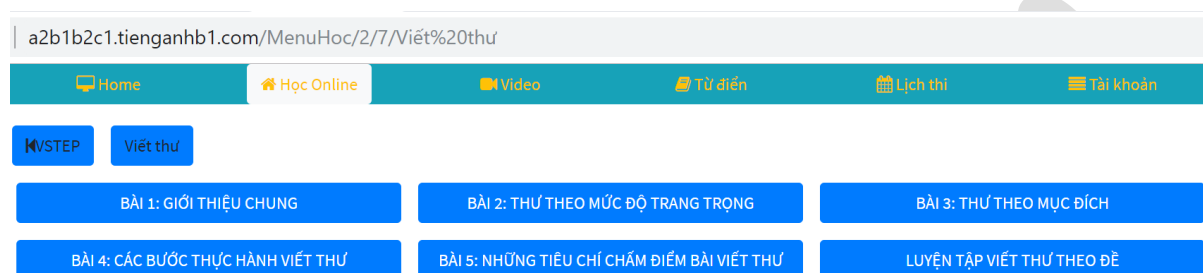
“Ever wondered what it feels like to have a different job? Here, four people with very different careers reveal the trade secrets of their working day.” (Đã từng bao giờ tự hỏi cảm xúc thế nào khi làm một công việc khác? Sau đây 4 người làm 4 nghề khác nhau tiết lộ những bí mật về ngày làm việc của họ)

~ To report what different people do and think about their jobs. (kể lại 4 người làm gì và nghĩ gì về công việc của mình).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI VIẾT VSTEP

Phần thi viết trong kì thi Vstep gồm 2 phần: phần 1 là viết thư, phần 2 là viết bài luận. Bài viết thư tuy chỉ chiếm 1/3 số điểm và 1/3 thời gian làm bài trong phần thi viết, tuy nhiên đây là cơ hội để bạn gỡ điểm cho bài viết phần 2. Bài viết ngắn gọn dưới đây sẽ giới thiệu cho bạn những loại bài viết thư thường gặp trong phần thi Vstep Writing và những tiêu chí chấm điểm bài thi viết này.

VIẾT THƯ (VIẾT TƯƠNG TÁC)



Nội dung các bài học trong phần viết thư hướng dẫn bạn chi tiết cách viết thư thân mật, trang trọng theo các mục đích viết khác nhau (cung cấp thông tin, cảm ơn, thư yêu cầu, thư phản nàn...). Bên cạnh đó, bạn cũng được hướng dẫn chi tiết cách phân bổ thời gian hợp lý khi viết thư, tìm hiểu cách giám khảo chấm điểm bài viết. Cuối cùng, quan trọng hơn cả, bạn được thực hành viết một số đề thi đã qua. Các đề bài có hướng dẫn dàn ý, bài viết mẫu và bạn có thể hoàn thành bài viết trên máy để hệ thống tự động phân tích bài viết cho bạn.

[Vào học Viết thư](#)



07 loại bài viết thư thường gặp trong bài thi phần 1 Vstep Writing

Trong phần thi thứ nhất, đề bài đưa ra một tình huống và yêu cầu bạn viết một lá thư. Trước tiên, bạn cần xác định được rõ bức thư thuộc loại nào (trang trọng hay thân mật) vì ngôn ngữ áp dụng cho mỗi loại sẽ không giống nhau. Ngoài ra, dựa vào mục đích viết thư, có thể chia bài viết thư thành 7 loại sau:

1. Thank-you letters: Thư cảm ơn
2. Complaint letter: Phàn nàn hoặc yêu cầu thông tin
3. Invitation letter: Thư mời
4. Apology letter: Thư xin lỗi
5. Request letter: Thư yêu cầu
6. Advice letter: Thư khuyên nhủ
7. Information giving letter: Thư cung cấp thông tin

Trước khi bắt đầu viết thư, thí sinh cần phải nắm rõ được bài viết là formal hay informal, mục đích viết để cung cấp thông tin hay đưa lời khuyên hay phàn nàn...

[a2b1b2c1.tienganhb1.com/VietBaiHoc/11](#)

Home
Học Online
Video
Từ điển
Lịch thi
Tài khoản

HƯỚNG DẪN VIẾT THƯ CẢM ƠN

Giới thiệu

- Thư viết với mục đích cảm ơn
- Thư có thể thuộc loại formal hoặc informal

Ngôn ngữ thường dùng trong thư cảm ơn

I am writing this letter to thank you for...

Tôi viết lá thư này để cảm ơn bạn vì...

I am grateful (to you) for your help.

Cảm ơn bạn vì đã giúp đỡ tôi.

I am writing this letter to extend my sincere thanks to sb.

Tôi viết bức thư này để biểu lộ lòng chân thành cảm ơn của tôi đến ai

Thư cảm ơn

Thư yêu cầu

Thư phàn nàn

Thư xin lỗi

Thư mời

Các loại thư theo mục đích thường gặp trong kỳ thi Vstep

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/VietBaiHoc/11>



Viết thư theo mục đích

04 tiêu chí chấm điểm bài thi viết thư Vstep

Dù là dạng viết thư nào, thì giám khảo cũng sẽ chấm điểm dựa trên 4 yếu tố Task Fulfilment, Organization, Vocabulary và Grammar.

1. **Task Fulfilment:** Đáp ứng, giải quyết các yêu cầu mà đề bài đưa ra một cách hiệu quả.
2. **Organization:** Các ý kiến, thông tin trong bài viết phải có sự logic, cấu trúc chặt chẽ
3. **Vocabulary:** Bạn nên sử dụng những từ, cụm từ đa dạng, phù hợp với văn phong của bài viết
4. **Grammar:** Sử dụng các cấu trúc ngữ pháp một cách linh hoạt, và chính xác

Lời khuyên hữu ích cho các thí sinh là bạn nên đọc các bài viết mẫu càng nhiều càng tốt. Đây là cách giúp bạn phát triển ngôn ngữ để có thể viết tốt ở bất cứ thể loại nào. TiengAnhB1.com đã tổng hợp các dạng viết thư Vstep mà Bộ GD&ĐT quy định trong chương trình [luyện thi Vstep Online](#) kèm theo bài hướng dẫn và giải đề thi.

Các bước thực hành viết thư

Để đạt được kết quả tốt cho bài viết thư, bạn hãy thực hiện tuần tự theo các bước sau.

Hãy lưu ý phân bổ thời gian hợp lý cho bài viết thư. Thí sinh nên dành tối đa 20 phút cho bài viết này.

Trước khi viết (3 – 5 phút) phân tích đề bài và lên dàn ý

- Đọc kĩ đề bài để xác định xem thư thuộc loại nào: trang trọng hay thân mật, mục đích viết thư để làm gì (cảm ơn, cung cấp thông tin, yêu cầu...)
- Xác định câu hỏi trong đề bài để biết những ý chính cần trả lời. Không nhất thiết phải trả lời các ý theo trình tự đề bài mà quan trọng là cần sắp xếp theo trật tự logic.

Trong khi viết (13 phút)

- Dựa vào dàn ý chi tiết để viết thành một lá thư hoàn chỉnh.
- Lưu ý về việc chia đoạn, sử dụng từ nối liên kết ý, viết câu phức và sử dụng nhiều các cụm từ cố định (collocation).

Sau khi viết (2 phút) kiểm tra bài viết

Bạn hãy dành một chút thời gian để kiểm tra các lỗi về chính tả và ngữ pháp nếu có.

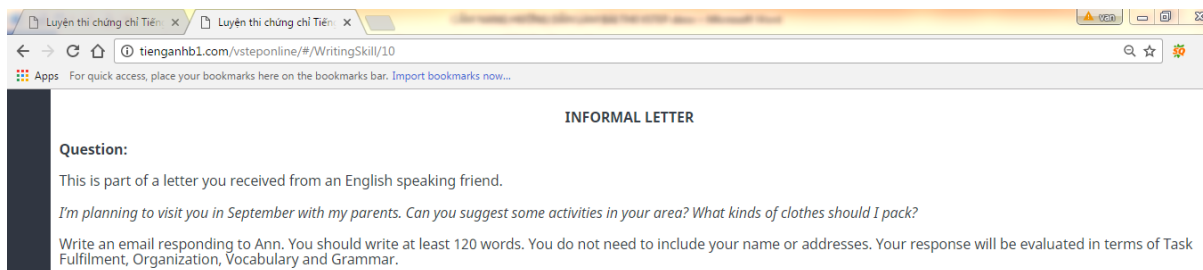
Thực hành viết một lá thư hoàn chỉnh

Đề bài:

This is part of a letter you received from an English speaking friend.

I'm planning to visit you in September with my parents. Can you suggest some activities in your area? What kinds of clothes should I pack?

Write an email responding to Ann. You should write at least 120 words. You do not need to include your name or addresses. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfilment, Organization, Vocabulary and Grammar.



Question:

This is part of a letter you received from an English speaking friend.

I'm planning to visit you in September with my parents. Can you suggest some activities in your area? What kinds of clothes should I pack?

Write an email responding to Ann. You should write at least 120 words. You do not need to include your name or addresses. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfilment, Organization, Vocabulary and Grammar.

Trước khi viết (3 – 5 phút) phân tích đề bài và lên dàn ý

- Thư thuộc thể loại thân mật viết cho một người bạn với mục đích cung cấp thông tin về chuyến đi.

- Các ý trong bài viết:

+ activities:

- ✓ Spend time at the beach
- ✓ Visit the city, the old town
- ✓ Attend the music festival

+ kinds of clothes:

- ✓ Light summer dresses, skirts, trousers, a sweater or a jacket for the evenings.
- ✓ Swimming costumes

+ Ngôn ngữ đưa lời khuyên: should, you will be fine...

Sample:

Greeting	Dear Ann,
01 opening paragraph	Sorry I haven't written for so long but I've been really busy recently studying for my exams. It was great to get your letter and hear all your news, especially the part about you and your parents coming to visit in September.
1-2 body paragraphs	The weather is still fairly warm then so we should be able to spend quite a bit of time at the beach. I think your parents will really enjoy the city, particularly the old town. The music festival will be on then so we shall take full advantage of that as well. You asked what clothes you should bring. You will be fine with light summer dresses, skirts and trousers and a sweater or jacket for the evenings, which can be rather cool. Don't forget to pack your swimming costumes! It will still be warm enough to swim.
01 closing paragraph	I'd better go and get on with my exam preparation. I hope your exams go well too and that you have a lovely summer. I'm really looking forward to seeing you in September!
Closing	All the best, Anna

Luyện viết thư theo đề

Luyện viết thư theo đề cung cấp một số đề thi gần đây có dàn ý, bài viết mẫu và cho phép bạn viết bài trên hệ thống để được phân tích bài viết.

Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/DeViet/1

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Đề viết số 1

You received an email from your English friend, Susan. She asked you some information about one of your friends. Read part of her email below.

I've just got an email from your friend, Mai. She says she is going to do a course in London this Summer. She asks if she could stay with my family until she can find an apartment. Can you tell me a bit about her (things like her personality, hobbies and interests, and her current work or study if possible)? I want to see if she will fit in with my family.

Write an email to your friend. You do not need to include your name or addresses. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfillment, Organization, Vocabulary and Grammar.

Dear Susan,

It's great to receive your email. I'm sorry I couldn't reply to you earlier because I've been really busy recently.

You asked me about Mai who is going to take a course in England this summer. I would say that she's a helpful and humorous girl. You know, she's always willing to help people around her. Besides, her sense of humor will make you laugh all days. Regarding Mai's hobbies, she's a big fan of playing tennis and cooking. This piece of information definitely excites you, right? Because as I know, you're also keen on playing tennis. If you live with her, you two can experience relaxing moments together when playing tennis. About her cooking ability, I'm sure you will be highly impressed because this girl really has a God-given talent as a cook and her food will certainly make your mouth water. Is that great? If she moves to your house, you will have chance to enjoy delicious meals every day. In terms of her work, she's now a chef at a French restaurant and she wants to study more about Western cuisine. That's why she will take a cooking course this summer in London.

Bạn phải viết 197 / 120 từ Thời gian còn lại để hoàn thành bài viết này
18 phút, 45 giây

Đề - 1

Đề - 2

Đề - 3

Đề - 4

Đề - 5

Đề - 6

Đề - 7

Đề - 8

Đề - 9

Đề - 10

a2b1b2c1.tienganhb1.com/DeViet/1

✓ Kiểm tra bài viết

THỜI GIAN LÀM BÀI**Rất tốt, bạn đã làm bài đúng thời gian quy định**Thời gian làm bài của bạn là: 1 phút, 15 giây, thời gian tối đa cho bài viết này là: **20 phút, 0 giây**

Hãy duy trì tốc độ này với những đề viết khác. Nó sẽ giúp bạn đạt điểm cao trong lúc đi thi thật

TASK FULFILMENT (Mức độ hoàn thành yêu cầu bài viết)**Rất tốt, bạn đã viết tổng số từ đạt yêu cầu của bài viết**Bài viết yêu cầu bạn phải viết **120** và bạn đã viết **197**

Hãy duy trì và luyện nhiều đề viết của chúng tôi nhé.

OGANIZATION (Tổ chức bài viết)**Cần cải thiện,**Bố cục của bài viết cần chia đoạn rõ ràng mở bài, thân bài, kết bài. Bạn đã chia bài viết của bạn thành **2** đoạn.**VOCABULARY (Từ vựng)****Từ đạt cấp độ A2**

around, as, busy, certainly, chef, cooking, fan, great, have, hobbies, if, Information, information, laugh, Moments, moments, moves, piece, receive, sorry, sure,

Từ đạt cấp độ B1

ability, chance, definitely, delicious, earlier, excites, experience, helpful, keen, live, really, regarding, relaxing, reply, take, talent, willing,

Từ đạt cấp độ B2

dear, french, highly, humor, impressed, playing, sense,

Từ đạt cấp độ C1

humorous,

Từ đạt cấp độ C2**GRAMMAR (Ngữ pháp)**

Số câu phức bạn đã viết là: 6

1 I'm sorry I couldn't reply to you earlier because I've been really busy recently**2** You asked me about Mai who is going to take a course in England this summer**3** This piece of information definitely excites you, right? Because as I know, you're also keen on playing tennis**4** If you live with her, you two can experience relaxing moments together when playing tennis

Phân mềm phân tích bài viết theo các tiêu chí chấm, phân tích cấp độ từ vựng và liệt kê số lượng câu phức đã viết giúp bạn nâng cao điểm số

VIẾT LUẬN (VIẾT SẢN SINH)

a2b1b2c1.tienganhb1.com/MenuHoc/2/1030/Viết%20luận

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

1STEP Viết luận

BÀI 1: GIỚI THIỆU CHUNG	BÀI 2: VIẾT MỞ BÀI	BÀI 3: VIẾT KẾT BÀI
BÀI 4: VIẾT ĐOẠN	BÀI 5: VIẾT LUẬN DISCUSSION	BÀI 6: VIẾT LUẬN OPINION
BÀI 7: VIẾT LUẬN PROBLEM - SOLUTION	BÀI 8: VIẾT LUẬN CAUSE - EFFECT	BÀI 9: CÁC BƯỚC THỰC HÀNH VIẾT LUẬN
BÀI 10: NHỮNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM BÀI VIẾT LUẬN	LUYỆN VIẾT LUẬN THEO ĐỀ	

Viết luận hướng dẫn bạn cách viết mở bài, kết bài, viết một đoạn thân bài và hướng dẫn chi tiết cách viết từng dạng bài khác nhau như dạng Advantage-disadvantage (trình bày ưu điểm- nhược điểm), dạng Opinion (trình bày quan điểm, nêu ý kiến), dạng Problem-solution (Nêu vấn đề - giải pháp) hay Cause-effect (nêu nguyên nhân – hệ quả). Sau đó, bạn sẽ được tìm hiểu cách phân bổ thời gian cho bài viết luận, xem các tiêu chí mà giám khảo dùng để chấm điểm cho bạn. Cuối cùng với phần Luyện viết theo đề, bạn được luyện tập viết các đề thi đã qua có hướng dẫn dàn ý, bài viết mẫu,

Vào học viết
luận



Thí sinh được yêu cầu viết một bài luận có độ dài khoảng 250 từ vựng về chủ đề đã cho. Thời gian: 40 phút.

You should spend about 40 minutes on this task.

Read the following text from a book about tourism.

Tourism has become one of the fastest growing industries in the world. Millions of people today are travelling farther and farther throughout the year. Some people argue that the development of tourism has had negative effects on local communities; others think that its influences are positive.

Write an essay to an educated reader to discuss the effects of tourism on local communities. Include reasons and any relevant examples to support your answer.

You should write at least 250 words. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfillment, Organization, Vocabulary and Grammar.

Các loại bài luận thường gặp

1. discussion: thảo luận về ưu và nhược điểm của một vấn đề
2. opinion: câu hỏi về quan điểm của bạn về một vấn đề
3. Problem - solution: Nêu vấn đề và giải pháp

Cause - effect là một dạng bài thuộc problem – solution. Nêu nguyên nhân và hệ quả của một vấn đề.

Đề bài có thể chỉ yêu cầu viết về một mặt (nguyên nhân hoặc hệ quả của vấn đề) kèm giải pháp giải pháp

Phương pháp làm bài:

Bước 1: Đọc và xác định đề bài

Trước tiên, cần đọc kỹ yêu cầu đề bài và xác định xem bài viết thuộc thể loại nào, ngôn ngữ thường dùng với mỗi loại viết ra sao.

Bước 2: Làm dàn ý chi tiết cho bài viết và viết mở bài (khoảng 10 phút)

Bước 3: Viết 2 – 3 đoạn thân bài (25 phút)

Bước 4: Viết kết bài và kiểm tra lỗi chính tả, từ vựng (khoảng 5 phút)

Trong quá trình luyện tập, dành nhiều thời gian bổ trợ từ vựng theo chủ điểm viết vì kỳ thi Vstep không chỉ kiểm tra kiến thức ngôn ngữ mà kiểm tra cả kiến thức nền bằng tiếng Anh. Cùng học từ vựng theo chủ điểm viết:

← → ↺ a2b1b2c1.tienganhb1.com/GameTuVung

Home Học Online Thi Thử Video Từ điển Tài khoản

1 - CITY - Reasons for Urbanization/ migration to big cities

2 - CITY - Negatives of City Life/ Problems of city life

3 - CITY - Environmental problems

4 - EDUCATION - Benefits of education

5 - EDUCATION - Benefits of Studying Abroad

6 - EDUCATION - Drawbacks of studying abroad

7 - EDUCATION - Advantages of technology in Education

8 - EDUCATION - Opinion on Technology in Education

9 - EDUCATION - Advantages of Higher education

10 - EDUCATION - Disadvantages of

CITY - Reasons for Urbanization/ migration to big cities

People move to cities in search of job opportunities or better education.
Người dân lên thành phố để tìm cơ hội việc làm hoặc giáo dục tốt hơn.

Cities offer a higher standard of living.
Mức sống ở thành phố cao hơn ở nông thôn.

Entertainment facilities like the cinemas and amusement parks are often nearby.
Cơ sở giải trí như rạp chiếu phim, công viên giải trí thường ở gần.

People move to cities from the countryside because traditional activities like farming need fewer workers nowadays.
Người dân từ nông thôn lên thành phố vì ngày nay các nghề truyền thống như nghề nông cần ít nhân công hơn.

Hãy để chúng tôi giúp bạn có thể hiểu kỹ hơn về chủ đề này.
Bạn hãy click vào luyện tập để nhớ lâu hơn

Luyện Tập

Back 0/4 Nghe lại Làm lại Next

Giao diện phần học câu theo chủ điểm, có âm thanh đọc cả câu giúp ghi nhớ tốt hơn

← → ↺ a2b1b2c1.tienganhb1.com/GameTuVung

Home Học Online Thi Thử Video Từ điển Tài khoản

1 - CITY - Reasons for Urbanization/ migration to big cities

2 - CITY - Negatives of City Life/ Problems of city life

3 - CITY - Environmental problems

4 - EDUCATION - Benefits of education

5 - EDUCATION - Benefits of Studying Abroad

6 - EDUCATION - Drawbacks of studying abroad

Học câu ghi Âm

Người dân lên thành phố để tìm cơ hội việc làm hoặc giáo dục tốt hơn.
Hãy viết lại câu với những từ bên dưới

opportunities or People move job in of cities to better education.

search

Back 0/4 Nghe lại Làm lại Next

Sau khi học xong, học viên dịch Việt – Anh kết hợp sắp xếp lại câu tiếng Anh vừa học.

Học câu theo chủ điểm



a2b1b2c1.tienganhb1.com/VietBaiHoc/16

Home

Học Online

Video

Từ điển

Lịch thi

Tài khoản

HƯỚNG DẪN VIẾT MỞ BÀI

Introduction = general statements + thesis statement.

Mở bài bao gồm 2 phần chính là general statements (những câu chung chung để giới thiệu chủ đề) và câu nêu ý chính của toàn bài luận.

Cách viết general statements: Chúng ta có thể paraphrase đề bài luận (viết lại câu sử dụng từ đồng nghĩa hoặc viết lại câu giữ nguyên ý nghĩa). Cách dễ nhất bạn nên tìm các từ đồng nghĩa với đề bài và viết lại giữ nguyên cấu trúc. Ở trình độ cao hơn thì nên cố gắng hiểu nghĩa của đề bài rồi viết lại câu sử dụng một cấu trúc khác.

Một số cách viết general statements:

- Viết giới thiệu chung chung: In recent years/ nowadays/ today...

Nowadays mobile phones are becoming more and more popular.

Hướng dẫn viết luận từ cách viết mở bài, kết bài đến ngôn ngữ và cách viết với mỗi dạng bài luận thường gặp.

[Hướng dẫn viết mở bài viết luận](#)

BÀI 2: VIẾT MỞ BÀI

Thực hành đề 01

Thực hành đề 02

Thực hành đề 03

Thực hành đề 04

a2b1b2c1.tienganhb1.com/VietBaiHoc/18

Home

Học Online

Video

Từ điển

Lịch thi

Tài khoản

HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI LUẬN VỀ ƯU NHƯỢC ĐIỂM

Giới thiệu

- Đề bài yêu cầu nêu ưu và nhược điểm của một vấn đề

Một số câu hỏi trong bài discussion essay

- Discuss the advantages and disadvantages

- What are the benefits and drawbacks?

Cấu trúc một bài luận ưu nhược điểm

Đoạn 1: Mở bài – giới thiệu chủ đề

Đoạn 2: Nêu những điểm tốt của vấn đề

Đoạn 3: Nêu những điểm xấu của vấn đề

Đoạn 4: Kết luận (nhắc lại những ý chính và nêu quan điểm của bản thân)

Một số cụm từ nêu ưu nhược điểm

BÀI 4: VIẾT LUẬN DISCUSSION

Thực hành viết mở bài

Thực hành viết thân bài đoạn 1

Thực hành viết thân bài đoạn 2

Thực hành viết kết bài

Hướng dẫn viết bài luận discussion (ưu nhược điểm của một vấn đề)

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/VietBaiHoc/18>**04 tiêu chí chấm điểm bài thi viết luận Vstep**

Giám khảo sẽ chấm bài viết của bạn dựa trên 4 yếu tố Task Fulfilment, Organization, Vocabulary và Grammar.

1. Task Fulfilment: Đáp ứng, giải quyết các yêu cầu mà đề bài đưa ra một cách hiệu quả.

2. Organization: Các ý kiến, thông tin trong bài viết phải có sự logic, cấu trúc chặt chẽ.

3. Vocabulary: Bạn nên sử dụng những từ, cụm từ đa dạng, phù hợp với văn phong của bài viết.

4. Grammar: Sử dụng các cấu trúc ngữ pháp một cách linh hoạt, và chính xác. Cố gắng sử dụng nhiều câu phức.

Để làm tốt được bài luận, bạn cần nắm chắc cấu trúc của một bài viết luận, phát triển ý một cách chặt chẽ và hãy đọc thật nhiều bài viết mẫu để có ý tưởng cho bài viết của mình.

Thực hành viết luận**Read the following text.**

Since its development in the 1970s, the Internet has become a key tool for obtaining information and for communication all over the world.

Write an essay to an educated reader to discuss the advantages and disadvantages of the Internet. Include reasons and any relevant examples to support your answer.

You should write at least 250 words. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfillment, Organization, Vocabulary and Grammar.

Các bước thực hành viết bài**Bước 1:** Đọc và xác định đề bài

Bài thuộc thể loại advantage/ disadvantage nêu ưu nhược điểm về một vấn đề.

Bước 2: Làm dàn ý chi tiết cho bài viết và viết mở bài (khoảng 10 phút)**Một số ngôn ngữ cho bài ưu nhược điểm:**

- benefits, advantages, pros, good/ plus points
- drawbacks, disadvantages, cons, downsides, bad points
- A brings/ offers several benefits/ drawbacks.
- There are some benefits of A.

Benefits

- Make work easier
 - + Sending emails, using video conferencing thanks to the Internet
 - + in the past/ travel long distances for meetings.
- Social life becomes easier
 - + keep in contact with family and friends through email and social networking websites.
 - + meetings, parties and social events for large groups of people
- Finding out information online is much quicker

Drawbacks

- make people lazy.
 - + people go shopping or chat online.
- A lot of information on the Internet is not correct.

Bước 3: Viết 2 – 3 đoạn thân bài (25 phút)

Bước 4: Viết kết bài và kiểm tra lỗi chính tả, từ vựng (khoảng 5 phút)**Sample**

Nowadays the Internet is widely used in our daily lives and work. The Internet brings both benefits and drawbacks, which will be discussed below.

On the one hand, there are many advantages of the Internet. Firstly, the Internet has made work much easier. Sending emails and using video conferencing in the workplace have made business quicker and more efficient. **For example**, in the past, people often had to travel long distances for meetings and now they can video call instead. **Also**, thank to the Internet, social life becomes easier. Nowadays people can keep in contact with family and friends through email and social networking websites more easily. People can give friends and relatives their news quickly and easily. **In addition**, meetings, parties and social events for large groups of people are easier to organize in this way. **Finally**, finding out information online is much quicker than visiting libraries or making expensive phone calls.

On the other hand, the Internet has several downsides. Some people say that the Internet makes people lazy. **For example**, people now do lots of things online, like shopping and socializing, when it might be better for them to do these things in the 'real' world. **Furthermore**, the Internet contains a lot of information which is not correct. **This is because** anyone can put anything they want on the Internet and it is not always checked for accuracy or truth. Users need to be sure that the websites they look at are reliable sources of information.

In conclusion, the Internet offers both advantages and disadvantages. It is important that know how to use it effectively.

Total: 268 words

Để xem hướng dẫn chi tiết từng bước viết bài, ngôn ngữ thường gặp trong bài thi viết luận Vstep, tham khảo tại link:

[VÀO HỌC VIẾT LUẬN](#)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI NÓI VSTEP



10 lời khuyên chung dành cho bài thi nói Vstep

1. Hãy nghe kỹ câu hỏi

Trước hết, bạn hãy nghe kỹ câu hỏi, đặc biệt là các từ khóa để hiểu kỹ giám khảo hỏi gì, giám khảo đang hỏi về thông tin ở quá khứ, hiện tại hay tương lai.

2. Hãy luyện tập trước kỳ thi

Trước khi thi, hãy luyện tập từng phần thi để đảm bảo có kỹ năng nói phù hợp với mỗi phần thi.

3. Hãy nói tiếng Anh trước khi bắt đầu vào thi

Ngay sát giờ thi nói nên luyện tập nói tiếng Anh để quen với ngôn ngữ thay vì nói tiếng mẹ đẻ.

4. Phát triển câu trả lời một cách hợp lý

Luôn cố gắng mở rộng câu trả lời một cách hợp lý.

Ví dụ:

Question: "How many languages do you speak?"

Answer: "Two. Vietnamese and English."

→ Câu trả lời quá ngắn và chưa phát triển được ý.

Có thể cải thiện câu trả lời này như sau:

Answer: “I speak two languages. My first language is Vietnamese and I speak English, too. I’ve been learning English since I was 10. I started learning it when I was in primary school.”

Tuy nhiên, không phải lúc nào câu trả lời dài cũng là câu trả lời hay vì nhiều khi người nói không kiểm soát được và nói lạc đề.

5. Hãy nhìn giám khảo khi nói

Một số người Việt Nam thường hay nhìn lên trần nhà hoặc nhìn xuống bàn thay vì nhìn người đối thoại (giám khảo). Khi nói tiếng Anh, hãy nhìn người đối thoại để thể hiện bạn đang nói thật và quan sát cử chỉ, thái độ của người mình đang giao tiếp.

6. Không học thuộc lòng câu trả lời

Thí sinh thường có khuynh hướng học thuộc lòng câu trả lời trước khi kiểm tra. Tuy nhiên, giám khảo được đào tạo để nhận biết được việc bạn đang “trả bài”. Vì vậy, trong quá trình học, hãy liệt kê các ý và luyện nói theo các ý đó, tránh liệt kê hàng loạt hoặc viết thành câu hoàn chỉnh.

7. Hãy hỏi giám khảo khi không hiểu câu hỏi

Đây là bài thi nói tiếng Anh, không phải bài thi nghe. Vì vậy, nếu không hiểu câu hỏi, hãy nhờ giám khảo nhắc lại hoặc giải thích một cách lịch sự. Tránh trường hợp cố gắng trả lời lạc đề khi không hiểu gì.

Could you repeat that, please? (Thầy cô có thể nhắc lại câu hỏi được không ạ)

Could you explain that, please? (Thầy cô có thể giải thích câu hỏi được không ạ)

Excuse me, what do you mean by “environmental problem”? (Xin lỗi thầy, cô, “environmental problem”? có nghĩa là gì ạ?)

8. Tự tạo cho mình thời gian suy nghĩ trước khi trả lời

Ở phần 1 và phần 3 của bài nói, thí sinh phải trả lời câu hỏi luôn. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc bạn phải nói ngay lập tức. Bạn cần thời gian để suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Một số cách tạo thời gian suy nghĩ như sau:

Cách 1: Đưa ra nhận xét về câu hỏi

Ví dụ: Why do people like travelling nowadays?

– It’s an interesting question. (Đây là một câu hỏi thật thú vị)

Cách 2: Nhắc lại câu hỏi

Ví dụ: What do you like doing in your free time?

– What I like doing in my free time?/ About my hobby, I love....

(Việc em thích làm trong thời gian rảnh rỗi?/ Về sở thích của em, em thích...)

Cách 3: Sử dụng một số từ nêu ý kiến hoặc từ khác để “câu giờ”.

What do you think about traffic in Hanoi?

In my opinion (Theo ý kiến của em)

Personally I think (Cá nhân em nghĩ rằng)

To tell the truth/ to be honest (Nói thật với thầy, cô)

Các từ khác:

Well, Actually/ in fact, You know

9. Hãy tự sửa lỗi sai ngay khi bạn nhận ra

Nếu phát hiện ra bạn vừa mắc lỗi sai nào đó, hãy tự sửa luôn. Điều này cho giám khảo thấy rằng bạn có khả năng hiểu điều mình đang nói. Tuy nhiên, nếu không chắc phải sửa như thế nào, hãy tiếp tục nói bởi lúc đầu có thể giám khảo không để ý lỗi đó, nhưng sau đó, nếu bạn sửa lỗi này thành lỗi khác thì sẽ càng tồi tệ hơn.

10. Hãy thư giãn và tự tin khi nói

Hãy biến bài thi nói thành một bài hội thoại giữa hai người bạn. Điều này sẽ khiến bạn cảm thấy thoải mái hơn khi giao tiếp. Tuy nhiên, đừng thoải mái quá (tránh hỏi lại giám khảo), hãy tận dụng phần lớn thời gian để thể hiện mình vì mục đích cuối cùng là giám khảo muốn kiểm tra khả năng nói của bạn. Cố gắng nói to để thể hiện sự tự tin khi nói.

Video hướng dẫn làm bài nói



Bạn có thể xem video hướng dẫn của giảng viên tại đây:

<https://vstep.edu.vn/10-luu-y-cho-bai-thi-noi-vstep-speaking>

Hướng dẫn làm bài thi nói phần 1: Tương tác xã hội



← → ↻ 🔒 Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7926 🔍 ☆

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Luyện thi Nói Vstep phần 1: Giao tiếp xã hội (Vstep speaking part 1 - Social interaction)

Một số mẹo thi nói
Vstep speaking part 1

Cách phát triển ý khi nói cho
Vstep speaking part 1

Thí sinh giới thiệu bản thân và giám khảo sẽ hỏi thí sinh một số câu hỏi liên quan đến 02 chủ đề quen thuộc, mỗi chủ đề gồm 03 câu hỏi. Ví dụ các chủ đề trong phần 1: công việc, gia đình, sở thích, quê quán...

VD: *Let's talk about your free time activities.*

- What do you often do in your free time?

● Hướng dẫn làm bài

- Vstep speaking part 1: Introduction
- Vstep speaking part 1: Free time activities, hobbies
- Vstep speaking part 1: Hometown or birthplace
- Vstep speaking part 1: Family
- Vstep speaking part 1: Travelling
- Vstep speaking part 1: Friends
- Vstep speaking part 1: Music
- Vstep speaking part 1: Transportation
- Vstep speaking part 1: Clothes
- Vstep speaking part 1: Communication and mobile phones

Thí sinh giới thiệu bản thân và giám khảo sẽ hỏi thí sinh một số câu hỏi liên quan đến 02 chủ đề quen thuộc, ví dụ như công việc, gia đình, sở thích, quê quán...

VD:

Let's talk about your free time activities.

- What do you often do in your free time?
- Do you watch TV? If no, why not? If yes, which TV channel do you like best? Why?
- Do you read books? If no, why not? If yes, what kinds of books do you like best? Why?

Phương pháp làm bài:

Bắt đầu vào bài thi, bạn hãy chủ động xin phép giới thiệu bản thân và nói ngắn gọn về tên, tuổi, nghề nghiệp.

May I introduce myself? (Em xin phép được giới thiệu bản thân được không ạ)

✓ ***Mở rộng ý khi nói, đừng chỉ trả lời "Yes" hoặc "No".***

Do you read books?

Yes, I do. I read books both for fun and for work. At work, I read a lot of documents. When I have free time, I also read my favourite novels.

✓ ***Dùng các từ nối để liên kết ý với nhau để bài nói được logic***

Which season do you like the best?

My favourite season is Summer because I can eat my favourite cream. Moreover, my family can go on a holiday together when my children are off school.

✓ ***Paraphrase (dùng từ ngữ khác) để trả lời câu hỏi, tránh dùng lại cấu trúc, từ vựng trong câu hỏi của giám khảo để được điểm cao hơn.***

What do you often do in your free time?

Well, there is no one thing I enjoy doing in my spare time. I have various interests. I love watching TV, listening to music and going shopping with friends at the weekend.

✓ ***Cố gắng sử dụng nhiều câu phức trong bài nói***

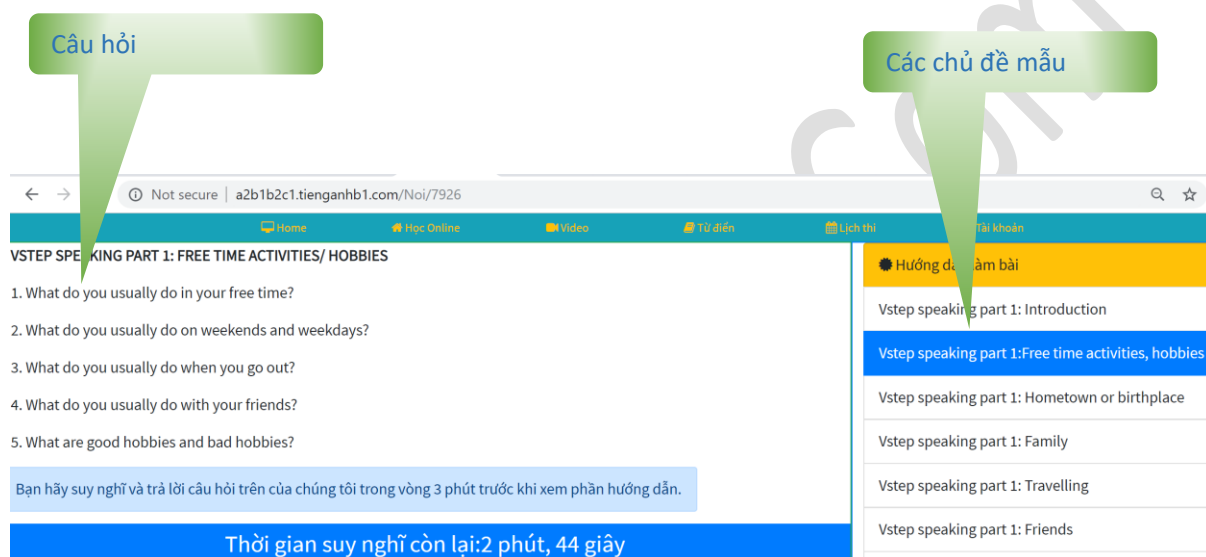
Thay vì dùng toàn câu đơn trong bài nói, hãy cố gắng sử dụng nhiều câu phức. Dùng nhiều câu phức thể hiện bạn có khả năng sử dụng các cấu trúc câu linh hoạt. Hãy dùng

các từ sau để tăng điểm phần ngữ pháp: which (that), when, while, as soon as, because, since...

I come from Hanoi, **which** is famous for many places of interest such as the Sword Lake, the West lake, Temple of Literature and Ho Chi Minh Mausoleum.

There are four seasons in the North of Vietnam namely Spring, Summer, Autumn and Winter **while** the South has two seasons: dry and wet seasons.

Giao diện phần Bài thi Nói phần 1: Tương tác xã hội



Câu hỏi

Các chủ đề mẫu

VSTEP SPEAKING PART 1: FREE TIME ACTIVITIES/ HOBBIES

1. What do you usually do in your free time?
2. What do you usually do on weekends and weekdays?
3. What do you usually do when you go out?
4. What do you usually do with your friends?
5. What are good hobbies and bad hobbies?

Bạn hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi trên của chúng tôi trong vòng 3 phút trước khi xem phần hướng dẫn.

Thời gian suy nghĩ còn lại: 2 phút, 44 giây

Hướng dẫn làm bài

- Vstep speaking part 1: Introduction
- Vstep speaking part 1: Free time activities, hobbies**
- Vstep speaking part 1: Hometown or birthplace
- Vstep speaking part 1: Family
- Vstep speaking part 1: Travelling
- Vstep speaking part 1: Friends

Gợi ý trả lời

FREE TIME ACTIVITIES/ HOBBIES

HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI GIAN Rảnh Rỗi/ SỞ THÍCH

Bài nói mẫu



Hướng dẫn trả lời
audio hướng dẫn

1. What do you usually do in your free time?

Bạn thường làm gì vào thời gian rảnh rỗi?

Well, in my spare time, I like watching TV. I'm busy during the day so I love watching the news in the evening while our family are having dinner. Besides, I enjoy listening to music. My favourite kind of music is POP.

Ồ, vào thời gian rảnh rỗi, tôi thích xem tivi. Ban ngày tôi bận nên tôi thích xem tin tức vào buổi tối lúc cả nhà đang ăn tối. Ngoài ra, tôi cũng thích nghe nhạc. Loại nhạc tôi thích là nhạc POP.

Để tham khảo thêm đề bài nói phần 1 kèm bài mẫu và audio hướng dẫn, xem thêm tại:

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7926>

Hướng dẫn làm bài thi nói phần 2: Thảo luận giải pháp

Cho một tình huống với 3 lựa chọn. Chọn giải pháp tốt nhất và giải thích. Đồng thời, phản biện tại sao không chọn 2 lựa chọn còn lại.

← → ↻ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7807

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Luyện Nói Vstep phần 2: Thảo luận giải pháp (Vstep speaking part 2 - Solution discussion)




Cho một tình huống với 3 lựa chọn. Chọn giải pháp tốt nhất và giải thích. Đồng thời, phản biện tại sao không chọn 2 lựa chọn còn lại.

Eg: A group of people is planning a trip from Danang to Hanoi. Three means of transport are suggested: by train, by plane, and by coach. Which means of transport do you think is the best choice?

Phương pháp luyện Nói Vstep thảo luận giải pháp (Vstep speaking part 2 - solution discussion)

- Hướng dẫn làm bài
- Test 01
- Test 02
- Test 03
- Test 04
- Test 05
- Test 06
- Test 07
- Test 08
- Test 09
- Test 10

Phương pháp làm bài:

Trước khi nói, hãy tìm ý trong 1 phút

- Chọn nhanh một lựa chọn nào mà bản thân cảm thấy dễ nói nhất (có nhiều từ vựng để nói nhất, không nhất thiết phải là lựa chọn bạn thích).
- Tìm ít nhất 2 lợi ích/ lí do bạn chọn và nhược điểm của 02 lựa chọn còn lại.

← → ↻ Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7807

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Speaking part 2 - Test 01

What are you going to do in the summer? Learning a language course; doing voluntary work or learning to play a sport. Which do you think is the best choice?

Bạn hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi trên của chúng tôi trong vòng 3 phút trước khi xem phần hướng dẫn.

Thời gian suy nghĩ còn lại: 2 phút, 50 giây

- Hướng dẫn làm bài
- Test 01
- Test 02
- Test 03
- Test 04

Trong khi nói

- Trình bày bài nói thành 03 phần
- Phần 1 – mở bài: giới thiệu tình huống với 03 lựa chọn. Nếu có thể, paraphrase (sử dụng từ ngữ khác) để diễn đạt tình huống. Trình bày ý kiến chọn giải pháp nào.
- Phần 2 – Thân bài: Nêu lần lượt 2 lợi ích và so sánh, đối chiếu với 2 lựa chọn còn lại.
- Phần 3 – Kết bài: Tóm tắt lại ý mình chọn
- Giữa các phần cần có thể sử dụng các từ nối ý phù hợp, không phải đơn thuần liệt kê ý

Một số gợi ý

Learning a language course: Học 1 khóa ngôn ngữ (ngoại ngữ)

- Get B1 certificate for graduation: lấy chứng chỉ B1 để tốt nghiệp
- Improve English to have better job opportunities: Cải thiện tiếng Anh để có cơ hội nghề nghiệp tốt hơn

Doing voluntary work: Đi tình nguyện

- Help local community: Giúp đỡ cộng đồng
- Make friends: Kết bạn

Learning to play a sport: Học chơi một môn thể thao

- Get in better shape: Giữ thân hình khỏe mạnh
- Improve your health: Cải thiện sức khỏe

Bài mẫu



The Summer is coming soon and people are wondering what they should do in the upcoming time: learning a language course, doing voluntary work or learning to play a sport. **In my opinion**, attending an English course is the best option because of the following reasons. **Firstly**, it is required for all students to have B1 certificate before graduation at my

Bài nói mẫu kèm audio cho đề bài thảo luận giải pháp

Để tham khảo thêm đề bài nói phần 2 kèm bài mẫu và audio hướng dẫn, xem thêm tại:

<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7807>

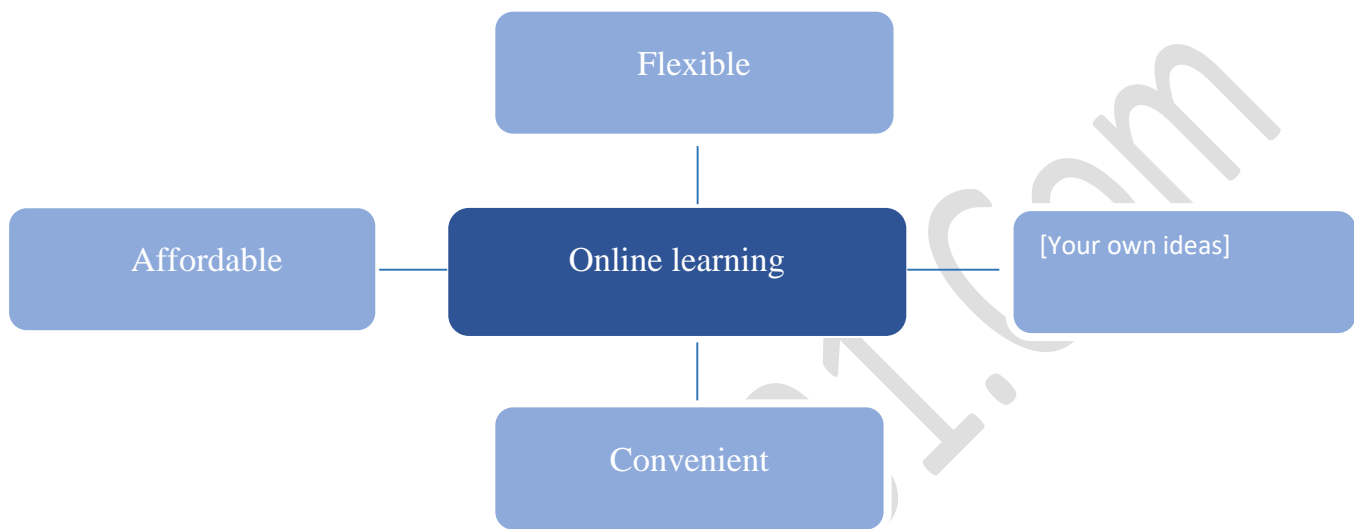
Video hướng dẫn lấy điểm
cao trong bài thi nói phần 2



Hướng dẫn làm bài thi nói phần 3: Phát triển chủ đề

Vstep speaking phần 3 bao gồm 2 phần. Phần 1 là một chủ đề với 3 gợi ý. Thí sinh được chuẩn bị 01 phút trước khi trình bày chủ đề. Sau đó, giám khảo hỏi thêm thí sinh một vài câu hỏi liên quan đến chủ đề.

Topic: Online learning is beneficial to students.

**Phương pháp làm bài:**

Trước khi bắt đầu nói, trong 1 phút bạn hãy

- Nghĩ ví dụ cho các ý cho sẵn
- Biến các ý đã cho thành câu hoàn chỉnh.

VD: Trong bài sau sẽ sử dụng 2 ý đề bài cho sẵn và 1 ý bên ngoài: interesting

Online learning is very convenient.

- Study wherever and whenever you want
- Study with a mobile phone or a computer

It is very affordable to study online.

- Free courses or courses at low cost

Online courses are more interesting thanks to the application of technology.

- Technology engages students with sounds, images, games

Cũng giống như phần số 2, thí sinh nên triển khai bài nói thành một bài hoàn chỉnh có mở bài, thân bài, kết bài.

- Phần 1 – mở bài: giới thiệu chủ đề bằng cách paraphrase (sử dụng từ ngữ khác) để diễn đạt câu chủ đề.
- Phần 2 – Thân bài: Từ 3 ý đã cho dưới dạng từ, cụm từ, phát triển thành một câu hoàn chỉnh. Với mỗi ý, đưa thêm thông tin hoặc nêu ví dụ.
- Phần 3 – Kết bài: Tóm tắt lại ý mình chọn
- Giữa các phần cần có thể sử dụng các từ nối ý phù hợp, không phải đơn thuần liệt kê ý

Phần số 2, giám khảo hỏi thêm câu hỏi liên quan đến chủ đề. Có thể áp dụng các cách trả lời giống phần 1 (phát triển ý khi nói, sử dụng từ nối phù hợp). Phần 3 câu hỏi khó đòi hỏi không chỉ kiến thức ngôn ngữ mà còn cả kiến thức nền mới có thể trả lời tốt câu hỏi.

Một số cấu trúc, từ vựng hữu ích

- online learning = studying online = learning/ studying on the Internet
- learners = students
- To get/ have access to: truy cập
- To engage students = to make students involved in lessons: thu hút sinh viên vào bài học
- to be affordable (có thể chi trả được) = at low/cheap cost (chi phí rẻ) = at no charge (không mất phí) = free of charge (miễn phí)

Bài nói mẫu



Nowadays learning on the Internet has become increasingly popular because of its great benefits, especially to students. **In the first place**, online learning is very convenient. You know, students can study whenever and wherever they want. Only with a mobile phone or a computer connected to the Internet, can students get access to a rich source of information on almost any subject. **Secondly**, it is very affordable to study online. Well, students can do research using online resources at very low cost or even at no charge. Many websites provide free access to an abundant source of information while others offer online courses at a very cheap cost which might be just a part of traditional courses. **Moreover**, because students can study at their own place, they can save time and money to travel to traditional classes. **Last but not least**, online courses are

Để tham khảo thêm đề bài nói phần 3 kèm bài mẫu và audio hướng dẫn, xem thêm tại:

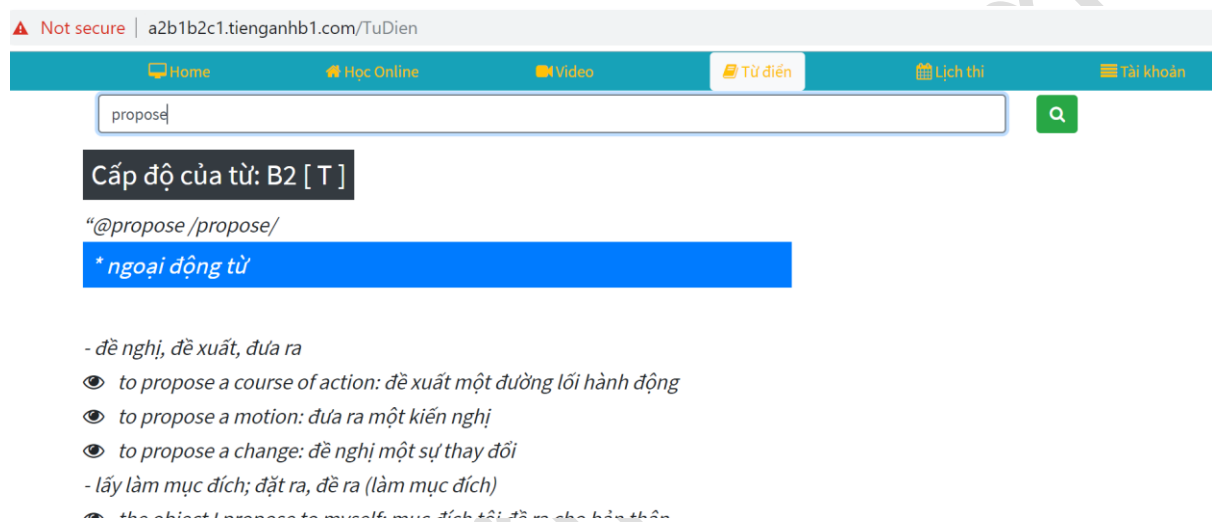
<https://a2b1b2c1.tienganhb1.com/Noi/7813>

Các tính năng mới của phần mềm luyện thi tiếng Anh A2-B1-B2-C1

Nâng cấp phần mềm từ điển

Từ điển phân cấp từ vựng theo trình độ A1, A2, B1, B2, C1

Từ điển phân cấp từ vựng trình độ A1- C2 vô cùng tuyệt vời dành cho các bạn ôn luyện B2, C1. Dùng càng nhiều từ vựng cấp độ cao, điểm số của bạn sẽ càng cao.



Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/TuDien

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

propose

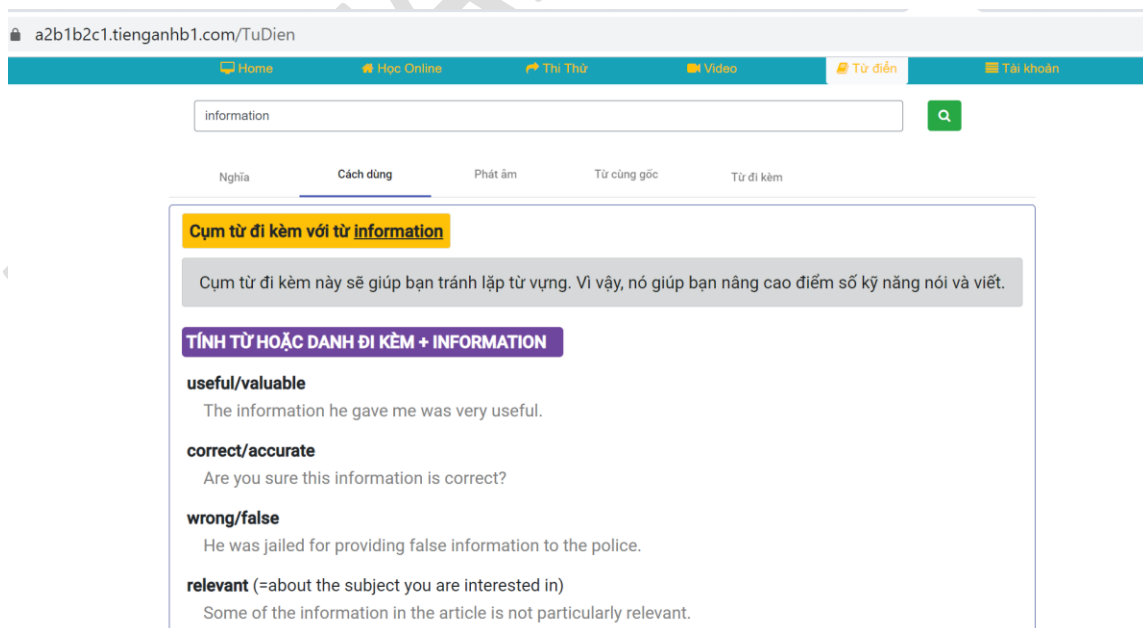
Cấp độ của từ: B2 [T]

@propose /propose/

* ngoại động từ

- đề nghị, đề xuất, đưa ra
- to propose a course of action: đề xuất một đường lối hành động
- to propose a motion: đưa ra một kiến nghị
- to propose a change: đề nghị một sự thay đổi
- lấy làm mục đích; đặt ra, đề ra (làm mục đích)
- the object I propose to myself: mục đích tôi đề ra cho bản thân

Tích hợp tra collocation



a2b1b2c1.tienganhb1.com/TuDien

Home Học Online Thi Thử Video Từ điển Tài khoản

information

Nghĩa Cách dùng Phát âm Từ cùng gốc Từ đi kèm

Cụm từ đi kèm với từ information

Cụm từ đi kèm này sẽ giúp bạn tránh lặp từ vựng. Vì vậy, nó giúp bạn nâng cao điểm số kỹ năng nói và viết.

TÍNH TỪ HOẶC DANH ĐI KÈM + INFORMATION

useful/valuable
The information he gave me was very useful.

correct/accurate
Are you sure this information is correct?

wrong/false
He was jailed for providing false information to the police.

relevant (=about the subject you are interested in)
Some of the information in the article is not particularly relevant.

Từ điển cho phép tra cụm từ đi kèm (collocation) giúp tránh lặp từ vựng trong quá trình viết hay nói.

a2b1b2c1.tienganhb1.com/TuDien

Home Học Online Thi Thử Video Từ điển Tài khoản

information

Nghĩa Cách dùng Phát âm Từ cùng gốc Từ đi kèm

(Danh từ)

informant :
(/in'fɔ:mənt/) người cung cấp thông tin

A2
information :
Thông tin

informer :
(/in'fɔ:mə/) thông báo

Từ điển tra được các từ cùng gốc giúp ghi nhớ nhiều từ vựng cùng lúc.

Tham khảo: [CÁCH TRA TỪ ĐIỂN ĐÚNG CÁCH](#)

Cập nhật đề thi gần đây của tất cả các đơn vị thi

Not secure | a2b1b2c1.tienganhb1.com/DeThiGanDay

Home Học Online Video Từ điển Lịch thi Tài khoản

Đề thi VSTEP (B1-C1) của trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
Vào xem đề thi

Đề thi VSTEP (B1-C1) của trường ĐH Hà Nội
Vào xem đề thi

Đề thi VSTEP (B1-C1) của trường ĐH Sư phạm TpHCM
Vào xem đề thi

Đề thi VSTEP (B1-C1) của trường ĐH Sư phạm Hà Nội
Vào xem đề thi

Đề thi VSTEP (B1-C1) của trường ĐH Thái Nguyên
Vào xem đề thi

Đề thi VSTEP (B1-C1) của trường ĐH Huế
Vào xem đề thi

a2b1b2c1.tienganhb1.com/TuVung

Home Học Online Thi Thử Video Từ điển Tài khoản

Có **21** chủ đề và **6901** từ theo các chủ đề dưới đây:

people: appearance	people: personality	people: actions	describing things
91 từ	1053 từ	952 từ	748 từ
A1:17 từ A2:17 từ	A1:22 từ A2:34 từ	A1:48 từ A2:91 từ	A1:75 từ A2:168 từ
B1:20 từ B2:26 từ	B1:201 từ B2:469 từ	B1:253 từ B2:379 từ	B1:174 từ B2:189 từ
C1:5 từ C2:6 từ	C1:105 từ C2:222 từ	C1:71 từ C2:110 từ	C1:64 từ C2:78 từ

work	travel	food and drink	education
201 từ	231 từ	253 từ	92 từ
A1:6 từ A2:21 từ	A1:16 từ A2:58 từ	A1:46 từ A2:71 từ	A1:12 từ A2:22 từ
B1:43 từ B2:62 từ	B1:82 từ B2:41 từ	B1:62 từ B2:37 từ	B1:23 từ B2:19 từ
C1:41 từ C2:28 từ	C1:19 từ C2:15 từ	C1:21 từ C2:16 từ	C1:10 từ C2:6 từ

Game từ vựng theo chủ đề giúp ghi nhớ từ vựng theo chủ đề và theo cấp độ tốt hơn

GAME TỪ VỰNG



Đề thi mẫu Vstep

ĐỀ THI MẪU VSTEP

PHẦN 1: NGHE HIỂU – 40 PHÚT

PHẦN 2: ĐỌC HIỂU – 60 PHÚT

PHẦN 3: VIẾT – 60 PHÚT

PHẦN 4: NÓI – 12 PHÚT

PHẦN 1: NGHE HIỂU – VSTEP**Thời gian: Khoảng 40 phút****Số câu hỏi: 35**

Directions: In this section of the test, you will have an opportunity to demonstrate your ability to understand conversations and talks in English. There are three parts in this section with special directions for each part. Answer all the questions on the basis of what is stated or implied by the speakers in the recording. There will be time for you to read the instructions and you will have a chance to check your work. The recording will be played ONCE only.

Time allowance: about 40 minutes, including 05 minutes to transfer your answers to your answer sheet.

PART 1-Questions 1-8

Directions: In this part, you will hear EIGHT short announcements or instructions. There is one question for each announcement or instruction. For each question, choose the right answer A, B, C or D. Then, on the answer sheet, find the number of the question and fill in the space that corresponds to the letter of the answer that you have chosen.

Now, let's listen to an example. On the recording, you will hear:

Woman: Hello. This is the travel agency returning your call. You left a message about the holiday you've booked, asking which meals are included in the cost during your stay at Sunny Hotel. Lunch and dinner are free but if you wish to have breakfast in the hotel, you will need to pay an extra amount of money, depending on what you order. Let me know if I can help you with any other information. Goodbye.

On the test book, you will read:

Which meal is NOT included in the price of the holiday?

- A. Breakfast
- B. Lunch
- C. Dinner
- D. All

The correct answer is A. Breakfast. Now, let's begin with the first question.

1. How many languages are taught at Hanoi International Language School?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

2. What is the boarding time of Flight VN178?

A. 3.30

B. 3.45

C. 4.15

D. 4.45

3. What will be happening in Lecture hall 4 next Monday?

A. An art workshop

B. An art exhibition

C. A history lesson

D. A talk about history of art

4. Where does the woman live?

A. Opposite the cinema

B. Next to Anna Boutique

C. On Floor 1 of C5 building

D. On Floor 3 of C5 building

5. What is the woman doing?

A. Introducing the sports centre

B. Selling equipment to the new members

C. Explaining the rules in the centre

D. Answering members' questions

6. What time do the banks open in winter?

A. 8.00 a.m.

B. 8.30 a.m.

C. 9.00 a.m.

D. 9.30 a.m.

7. What is the woman talking about?

- A. How to change the topic of a term paper
- B. When and where to hand in a term paper
- C. How to write a term paper
- D. The list of topics for a term paper

8. How is the weather today?

- A. Cool all day
- B. Rainy in the early morning
- C. Windy at noon
- D. Sunny during the day

PART 2-Questions 9-20

In this part, you will hear THREE conversations. The conversations will not be repeated. There are four questions for each conversation. For each question, choose the correct answer A, B, C or D.

Questions 9 to 12. Listen to the discussion between two exchange students Martha and Peter.

9. How has the man mainly learnt Japanese?

- A. By listening
- B. By speaking
- C. By writing Kanji
- D. By reading aloud

10. Why did the woman travel to Spain?

- A. To reach her goal
- B. To learn Japanese
- C. To meet her pen friends
- D. To practice her Spanish

11. According to the woman, why do young people learn language more quickly?

- A. They have friends at university.
- B. Their brains are fresher.
- C. They do not have much concern other than study.
- D. They find languages easier than the elder.

12. What is the conversation mainly about?

- A. Learning English
- B. Learning languages
- C. Learning French
- D. Age and learning

Questions 13 to 16. Listen to the conversation between Emma, the tourist and Felipe, a local person from Ecuador.

13. What does the man say about the Galapagos Islands?

- A. They are unattractive.
- B. They are a must-visit place for tourists.
- C. They are more popular with foreigners than locals.
- D. There are a lot of famous hotels and food there.

14. Why are the costs in Galapagos Islands so high?

- A. To improve their service quality
- B. To protect the environment
- C. To attract international tourists
- D. To solve local economic problems

15. Which place can be compared to the Galapagos in terms of scenery?

- A. The Amazon region
- B. The lowlands
- C. South Ecuador
- D. Ecuadorean countryside

16. What do the speakers mean by mentioning “more rights”?

- A. Islanders should have more freedom to do business.

- B. Ecuadoreans should visit the island with more ease.
- C. Tourists should be given more freedom on the island.
- D. Visitors should be encouraged to visit the island.

Questions 17 to 20. Listen to the conversation between Todd and Katia.

17. What is the topic of the conversation?

- A. Ways to get an internship
- B. Methods of studying at university
- C. Contrasts between working and studying
- D. Skills needed in working environment

18. What does the girl say about presenting skills?

- A. She wanted more practice with them.
- B. She was not aware of their importance before working.
- C. She didn't know how to do them in Spanish.
- D. She taught them to herself at university.

19. What does the girl think about making mistakes in the working world?

- A. It's frequent and natural.
- B. It's undesirable but normal.
- C. It's worrying and unacceptable.
- D. It's annoying but totally avoidable.

20. What advice does the girl have for those about going to start working?

- A. Prepare themselves for unexpected situations
- B. Relax and have some fun
- C. Make good transition from university to work
- D. Make their best effort and follow their passion

PART 3-Questions 21-35

In this part, you will hear THREE talks or lectures. The talks or lectures will not be repeated. There are five questions for each talk or lecture. For each question, choose the right answer A, B, C or D.

Questions 21 to 25. Listen to a presentation about summer job searching.

21. What factor deserves initial consideration when a summer job search is launched?

- A. Sort of jobs within the field
- B. Flexible working hours
- C. Employees' hobbies
- D. Commitment to the job

22. Why does the speaker mention photography?

- A. To highlight the importance of hobbies in job searching
- B. To illuminate a job search process
- C. To prove the role of local area in job searching
- D. To suggest looking for a job on the internet

23. What principle does a person necessarily stick to when looking for the second job?

- A. Value the second job over the current one
- B. Ask for the current employer's permission
- C. Make all the contact out of company time
- D. Have interviews scheduled during official working hours

24. What behavior will place a candidate at a great advantage in an interview?

- A. Showing up on time
- B. Having a great outfit
- C. Stressing the achievements with the current company
- D. Emphasizing the working experiences

25. What is of greatest importance for a successful attempt at the job search?

- A. Asking for references from the current company
- B. Referring to what have been achieved in the current job
- C. Getting the track record of the current job
- D. Talking to somebody in the current company for advice

Questions 26 to 30. Listen to a talk about recycling carbon.

26. Which process is mainly discussed in the talk?

- A. Producing carbon through photosynthesis
- B. Returning carbon to the atmosphere through decomposition
- C. Recycling carbon into the soil through soil breathing
- D. Maintaining the availability of environmental factors

27. What happens during decomposition?

- A. Natural elements directly come into the soil when they fall on the ground.
- B. Natural nutrients are produced in death leaves and trees.
- C. Organic matter is absorbed into the soil through some natural processes.
- D. Organic elements are mineralized to CO₂.

28. What does “soil respiration” refer to?

- A. The cycle of minimalizing CO₂ in the soil
- B. The stage of decomposing organic matter
- C. The circle when CO₂ is recycled
- D. The process when CO₂ gets out of the soil

29. What does the speaker say about the cycle of carbon?

- A. It helps remain carbon in litter for a long time.
- B. It finishes when CO₂ comes out of the soil to the air.
- C. It is the result of soil respiration.
- D. It creates the amount of carbon in the living biomass.

30. What does the example of tropical rainforest and the Arctic Tundra illustrate?

- A. The balance between photosynthesis and decomposition rate
- B. The importance of litter and organic matter in the production of carbon
- C. The effect of environmental factors on photosynthesis and decomposition rate
- D. The way how the nutrient availability stores carbon within the soil

Questions 31 to 35. Listen to a lecture about poor comprehenders.

31. What is the talk mainly about?

- A. The difficulties poor comprehenders encounter
- B. The definition of poor comprehender
- C. The reading process of a poor comprehender
- D. The causes and effects of poor comprehension

32. What can be inferred about poor comprehenders' level of understanding?

- A. They are better at decoding than reading a text fluently.
- B. They are not good at decoding and understanding a text.
- C. They struggle to reveal what they have read.
- D. They often have general understanding of the text.

33. What is the speaker's opinion about exploring poor comprehenders?

- A. It is challenging in a regular classroom context.
- B. It is best to work with one child at a time.
- C. It requires children to make some questions about the text.
- D. It is done by asking children to talk about the text in pairs.

34. What does the speaker say about poor comprehenders at primary school age?

- A. They make up the majority of primary students.
- B. They perform badly in subjects that require higher cognitive levels.
- C. Oral tasks are more difficult for them to achieve than reading ones.
- D. They have greater receptive skills than productive ones.

35. What is meant about poor comprehenders' ability to look over their comprehension?

- A. They actually know reasons for their poor comprehension.
- B. They can monitor their comprehension only occasionally.
- C. They change their monitoring process when their comprehension has broken down.
- D. Controlling comprehension is beyond their ability.

This is the end of the listening paper. Now you have 05 MINUTES to transfer your answers to your answer sheet.

PHẦN 2: ĐỌC HIỂU – VSTEP**Thời gian: 60 phút****Số câu hỏi: 40**

Directions: In this section of the test, you will read FOUR different passages, each followed by 10 questions about it. For questions 1-40, you are to choose the best answer A, B, C or D, to each question. Then, on your answer sheet, find the number of the question and fill in the space that corresponds to the letter of the answer you have chosen. Answer all questions following a passage on the basis of what is stated or implied in that passage.

You have 60 minutes to answer all the questions, including the time to transfer your answers to the answer sheet.

Example

Read the following passage:

FALL WEATHER

One of the first things we look for in fall is the first frost and freeze of the season, killing or sending into dormancy the beautiful vegetation you admired all summer long. For some locations along the Canadian border, and in the higher terrain of the West, the first freeze typically arrives by the middle part of September. Cities in the South may not see the first freeze until November, though a frost is very possible before then. A few cities in the Lower 48, including International Falls, Minnesota and Grand Forks, North Dakota, have recorded a freeze in every month of the year.

0. When does the first freeze often arrive in the South?

- A. Early September
- B. Mid September
- C. November
- D. Before November

You will read in the passage that “Cities in the South may not see the first freeze until November”, so the correct answer is option C. November.

PASSAGE 1- Questions 1-10

Ever wondered what it feels like to have a different job? Here, four people with very different careers reveal the trade secrets of their working day.

5 Luc

My day typically starts with a business person going to the airport, and nearly always ends with a drunk. I don't mind drunk people. Sometimes I think they're the better version of themselves: more relaxed, happier, honest. Only once have I feared for my life. A guy ran out at a traffic light and so I sped up before his brother could run, too.

10 He seemed embarrassed and made me drop him at a car park. When we arrived, the first guy was waiting with a boulder, which went through the windscreen, narrowly missing my head. But the worst people are the ones who call me "Driver!"

Harry

I not only provide appearance for my client, I also do damage control. We've had clients involved in lawsuits, divorces or drugs. One mistakenly took a gun to an airport. On the red carpet – at the Academy Awards or the Golden Globes – I'm the person making my client look good. The other day at an Oprah Winfrey event, the carpet wasn't put down properly and my clients almost went flying – I had to catch them. They can make some strange requests, too. At a black-tie gala at the White House, two clients hated the dinner and insisted that we circle around Washington DC to find a KFC open at 1a.m. I had to go in wearing a gown and order so they could eat it in the car.

Jennifer

I could teach you to do a basic brain operation in two weeks. But what takes time and experience is doing it without wrecking the brain of the patients - learning your limitations takes years.

I ended up working as a pediatric neurosurgeon because children make better recoveries from brain damage than adults. So it's more rewarding in terms of outcome and I find their resilience really inspiring. It's taken me a decade to become comfortable discussing an operation with children, but they have to be able to ask questions. You have to show them respect. Sometimes their perspective is funny; most teenage girls just want to know how much hair you'll shave off.

I don't get upset by my job. These children are dying when they come in and I do whatever I can to make them better.

Solange

35 When you become a judge after years of being a barrister and trying to make points that win cases, you have to remember that a huge part of what you do is listening - to advocates, to witnesses, to defendants. Behind closed doors most judges, even very experienced ones, are much more anxious about their work than most people might

- 5 think. We agonise over what we do and the decisions we have to make. It would be bizarre to say that as a judge, we learn to be less judgmental. But as you see the complex and difficult lives of the people who end up in front of you, you realise that your job is not so much to judge them as to ensure that everyone receives justice.

1. In the first paragraph, what best paraphrases the sentence ‘**My day typically starts with a business person going to the airport, and nearly always ends with a drunk**’?

- A. Normally, I will take a business person and a drunk at the airport.
- B. Normally, I will go to the airport in the morning and come back with a drunk.
- C. Normally, my first passenger will be a businessman and my last one a drunk.
- D. Normally, I will drive a businessman to the airport and come back almost drunk.

2. What does Harry probably do for a living?

- A. A tour guide
- B. An agent
- C. A lawyer
- D. A driver

3. The word ‘**circle**’ in line 17 could be best replaced by

- A. drive
- B. look
- C. walk
- D. ride

4. In lines 23-24, what does Jennifer mean when she says, ‘**Learning your limitations takes years**’?

It takes a person a long time to

- A. control his weakness in a brain operation.
- B. understand what he cannot help.
- C. perform even a basic operation.
- D. be able to perform a brain surgery.

5. The word ‘**their**’ in line 25 refers to

- A. patients’
- B. neurosurgeons’
- C. children’s

D. adults'

6. The word '**perspective**' in line 28 is closest in meaning to

A. question

B. worry

C. view

D. prospective

7. According to the passage, whose job involves in a large part listening to others?

A. Luc's

B. Harry's

C. Jennifer's

D. Solange's

8. According to the passage, who is likely to meet different types of people every day?

A. Luc

B. Harry

C. Jennifer

D. Solange

9. The word 'ones' in line 34 refers to

A. judges

B. barristers

C. advocates

D. defendants

10. What is the purpose of this passage?

A. To inform people of what to expect in those jobs.

B. To report what different people do and think about their jobs.

C. To raise awareness of the importance of different jobs.

D. To discuss the advantages and disadvantages of these jobs.

PASSAGE 2- Questions 11-20

Spring is the season when newly minted college graduates flock to New York City to start their careers. They begin the search for their dream apartment, brokers say, with the same singleminded determination that earned them their degrees and landed them their jobs in the first place. But that determination only goes so far when it comes to Manhattan real estate. [A]

“Almost every single person I’ve worked with thinks there’s a golden nugget of an apartment waiting right for them,” said Paul Hunt, an agent at Citi Habitats who specializes in rentals. “They all want to be in the Village, and they all want the ‘Sex and the City’ apartment.”

The first shock for a first-time renter will probably be the prices. Consider that the average monthly rent for a one-bedroom in the Village is more than \$3,100 and that the average for a studio is over \$2,200. Or that the average rent for a one-bedroom in a doorman building anywhere in Manhattan is close to \$3,500. [B]

Mr. Hunt said that when he shows prospective renters what their budget really can buy, they are sometimes so appalled that “they think I’m trying to fool them or something, and they run away and I don’t hear from them again.”

Alternatively, the renter checks his or her expectations and grudgingly decides to raise the price limit, or look in other neighborhoods or get a roommate. “When expectations are very high, the process can be very frustrating,” Mr. Hunt said.

The thousands of new graduates who will be driving the engine of the city’s rental market from now until September will quickly learn that renting in New York is not like renting anywhere else. [C]

The second shock is likely to be how small a Manhattan apartment can be. It is not uncommon in New York, for example, to shop for a junior one-bedroom only to find out it is really a studio that already has or can have a wall put up to create a bedroom.

[D] To start with, landlords want only tenants who earn at least 40 times the monthly rent, which means an \$80,000 annual salary for a \$2,000 apartment. According to census data, more than 25,000 graduates aged 22 to 28 moved to the city in 2006, and their median salary was about \$35,600.

Those who don’t make 40 times their monthly rent need a guarantor, usually a parent, who must make at least 80 times the monthly rent. In addition to a security deposit, some landlords also want the first and last month’s rent. Tack on a broker’s fee and a

prospective renter for that \$2,000 apartment is out of pocket nearly \$10,000 just to get the keys to the place.

11. Which of the following would be the best title for this article?

- A. Best Guide to Finding an Apartment in New York City
- B. New York City - Haven for First-time Renters
- C. Surprises Await First-time Renters in New York City
- D. Sure You Can Afford it in New York City?

12. On average, how much do tenants have to pay for a studio in New York City?

- A. About \$2,000
- B. More than \$2,000
- C. More than \$3,100
- D. Less than \$3,500

13. Which of the following words can best replace the word 'prospective' in line 12?

- A. Apparent
- B. Prosperous
- C. Potential
- D. Upcoming

14. Which of the following is NOT listed by Mr. Hunt as a reaction of prospective renters when he informs them of the prices?

- A. They think the broker is meaning to deceive them.
- B. They decide to move to another city.
- C. They decide to look for a place in a different neighborhood.
- D. They find someone to share the accommodation with.

15. According to Mr. Hunt, what would make the process of finding an apartment challenging?

- A. Renters do not trust the brokers.
- B. Renters over-expect about places they can rent.
- C. Landlords expect tenants to have secured income.

D. Renters want to bargain with landlords.

16. Which of the following would best describe the attitude of renters who decide to raise their price limit after being informed of the price?

A. Willing

B. Hopeful

C. Reluctant

D. Frustrated

17. In which space (marked A, B, C and D in the passage) will the following sentence fit? *Aside from the realities of price and space, the requirements set by New York landlords are also bound to help turn a bright-eyed first-time renter's outlook grim.*

A. [A]

B. [B]

C. [C]

D. [D]

18. Why did the writer mention the income of college graduates in 2006?

A. To demonstrate that graduates can earn a decent salary if they work in New York City

B. To indicate that less than 50% of the surveyed graduates could afford apartments in New York City

C. To suggest that New York City is not a place for graduates

D. To prove that to guarantee a place in New York City is financially out of reach for an average graduate

19. What does the word 'Those' in line 28 refer to?

A. Landlords

B. Graduates

C. Guarantors

D. Parents

20. Which of the following sentences would best complete the last paragraph?

- A. On top of that, every owner also has their own requirements, so just because you qualified here doesn't mean you'll qualify there.
- B. So you had better accept that you'll never have what you want no matter how hard you work.
- C. So the key to finding that first apartment is to learn as much as possible about the market before arriving in the city and to keep an open mind.
- D. You have to be flexible and you have to come to the city armed with information and financial paperwork.

PASSAGE 3 – Questions 21-30

'Ladies and gentlemen', the captain's voice crackled over the plane's public address system. "If you look out of the window on the right side of the aircraft," he said, "you will have a clear view of Greenland. In my 15 years of flying, I have not seen a scene like this." I opened the window shade, and I understood what had so startled the pilot. Instead of the habitual snowy landscape and frozen glaciers, a wide swathe of black water was visible as it flowed into the Atlantic. It was late spring, but the giant icebox that is Greenland was already melting.

The fleeting image that I saw from 30,000 feet in early May is consistent with massive amounts of climate data gathered from across the planet. It is now clear that on average, the global surface temperature has increased by about one degree Celsius since 1900 and has been the cause of extreme climate events across the planet.

At times, warming climate combined with soot in the air thrown by wild fire has accelerated the melting. Warm weather is leading ice sheets to break up and turning glaciers into flowing streams. In May, NASA scientists concluded that the rapidly melting glacial region of Antarctica has passed "the point of no return", threatening to increase sea levels by as much as 13 feet within the next few centuries. **A** The fact that the melting is taking place slowly and its effect may not be felt for a few decades seems to offer comfort to those who want to continue their lifestyle relying on fossil fuels. Unwilling to believe in global warming or make the sacrifices needed to face the challenge, politicians have been finding excuses to do nothing. **B**

American President Barack Obama, not hobbled by the need to fight elections, has now broken ranks with such politicians. Unable to pass legislation in the face of Republican (and sometimes Democratic) opposition, he instructed the Environmental Protection Agency to announce regulatory policies to curb emissions from power plants in the United States by 30 per cent by 2030. He hopes that regulations would influence the US

states to adopt aggressive market interventions to address global warming. Of course, execution of the policy still lies in the hands of many state governors who would find ways to resist, saying that regulations would raise the cost to the economy and cause unemployment among coal workers. As President Obama told Thomas Friedman of the New York Times: "One of the hardest things in politics is getting a democracy to deal with something now where the payoff is long term or the price of inaction is decades away." **C**

The price of inaction could be raised - if the coming global summit on climate in Paris could do what other summits have failed to do: agree on a fixed target for greenhouse gas emissions and a rigorous system for monitoring. China has hinted at capping coal burning in the next 15 years, adding weight in favour of action. **D** Meanwhile, melting in Greenland and the Antarctica will continue as the sun scorches the fields and rising water threatens the coastal areas.

21. In paragraph 1, what does the pilot mean by saying, 'In my 15 years of flying, I have not seen a scene like this'?

- A. This scene is very unusual.
- B. The pilot is not an attentive person.
- C. The scene makes flying worthy.
- D. This scene is very magnificent.

22. What is the author's purpose when recounting the scene he saw from the plane?

- A. To introduce the idea of global warming
- B. To give specific detail to support his point that global warming needs public awareness
- C. To express his opinion towards research on global surface temperature
- D. To contrast with what the pilot is saying

23. What is 'offer comfort' in line 16 closest in meaning to?

- A. Warm up
- B. Reassure
- C. Discourage
- D. Assist

24. What is the main idea of paragraph 3?

- A. Hot weather combined with wild fire soot has been melting glaciers.
- B. There has been enough evidence that global warming is an urgent issue.
- C. Global warming is evident but some are not willing to deal with this.
- D. The earliest effects of melting glaciers can only been seen in centuries.
25. Who does 'such politicians' in line 20 refer to?
- A. Those who have protested against Obama's views.
- B. Those who are not at the same rank as Obama.
- C. Those who take no actions against global warming.
- D. Those who do not believe in global warming.
26. In which space (marked A, B, C and D in the passage) will the following sentence fit? India, the world's third largest user of coal, may have to take measures on its own or face isolation.
- A. [A]
- B. [B]
- C. [C]
- D. [D]
27. According to paragraph 4, the author's attitude toward Obama's actions can be best described as
- A. sceptical
- B. appreciative
- C. sympathetic
- D. supportive
28. What can the word 'scorches' in line 35 be best replaced by?
- A. shines
- B. warms up
- C. burns
- D. heats up
29. Which of the following best describes the tone of the author in this passage?

- A. skeptical
- B. concerned
- C. indifferent
- D. pessimistic

30. Which of the following could best describe the message that the author wants to pass to readers?

- A. Fossil fuel should be replaced in the future.
- B. Solutions to global warming need political support.
- C. Rapid glacial melt has reached an irreversible point.
- D. Politicians play a key role in resolving global issues.

PASSAGE 4 – QUESTIONS 31 – 40

The earliest evidence for life on Earth comes from fossilized mats of cyanobacteria called stromatolites in Australia that are about 3.4 billion years old. Ancient as their origins are, these bacteria, which are still around today, are already biologically complex—they have cell walls protecting their protein-producing DNA, so scientists think life must have begun much earlier, perhaps as early as 3.8 billion years ago. But despite knowing approximately when life first appeared on Earth, scientists are still far from answering how it appeared. Today, there are several competing theories for how life arose on Earth. Some question whether life began on Earth at all, asserting instead that it came from a distant world or the heart of a fallen comet or asteroid. Some even say life might have arisen here more than once. Most scientists agree that life went through a period when RNA was the head-honcho molecule, guiding life through its nascent stages. According to this "RNA World" hypothesis, RNA was the crux molecule for primitive life and only took a backseat when DNA and proteins—which perform their jobs much more efficiently than RNA—developed. RNA is very similar to DNA, and today carries out numerous important functions in each of our cells, including acting as a transitional-molecule between DNA and protein synthesis, and functioning as an on-and-off switch for some genes. But the RNA World hypothesis doesn't explain how RNA itself first arose. Like DNA, RNA is a complex molecule made of repeating units of thousands of smaller molecules called nucleotides that link together in very specific, patterned ways. While there are scientists who think RNA could have arisen spontaneously on early Earth, others say the odds of such a thing happening are astronomical. "The appearance of such a molecule, given the way

chemistry functions, is incredibly improbable. It would be a once-in-a-universe long shot," said Robert Shapiro, a chemist at New York University. "To adopt this, you have to believe we were incredibly lucky." But "astronomical" is a relative term. In his book, *The God Delusion*, biologist Richard Dawkins entertains another possibility, inspired by work in astronomy and physics. Suppose, Dawkins says, the universe contains a billion planets, a conservative estimate, he says, then the chances that life will arise on one of them is not really so remarkable. Furthermore, if, as some physicists say, our universe is just one of many, and each universe contained a billion planets, then it's nearly a certainty that life will arise on at least one of them. Shapiro doesn't think it's necessary to invoke multiple universes or life-laden comets crashing into ancient Earth. Instead, he thinks life started with molecules that were smaller and less complex than RNA, which performed simple chemical reactions that eventually led to a self-sustaining system involving the formation of more complex molecules. "If you fall back to a simpler theory, the odds aren't astronomical anymore," Shapiro concluded.

31. The word 'they' in line 3 refers to

- A. mats
- B. origins
- C. bacteria
- D. DNA

32. According to the passage, what is RNA?

- A. A protein
- B. A molecule
- C. A nucleotide
- D. A cell

33. The phrase 'took a backseat' in line 12 is closest in meaning to

- A. enjoyed more dominance
- B. turned to be useless
- C. stepped back to its place
- D. became less important

34. According to the passage, what is NOT true about RNA?

- A. It is the crux of a widely accepted theory on the origin of life.

- B. It is believed to be most important for early life.
- C. Like DNA, it executes many duties in human cells.
- D. There is still disagreement over how RNA first appeared.
35. What does Robert Shapiro mean when he says, 'To adopt this, you have to believe we were incredibly lucky'?
- A. Supporters of RNA world hypothesis must think that humans were extremely blessed.
- B. Humans were incredibly lucky because the RNA was the first form of life on Earth.
- C. He believes it is near impossible that RNA accidentally arose on Earth.
- D. Humans were unlucky because the RNA world hypothesis is highly improbable.
36. Which of the following statements would Dawkins most probably support?
- A. As there are a countless number of planets, it is surprising that life arose on Earth only.
- B. Life may exist on planets other than Earth and in universes other than ours.
- C. There are many universes like ours, which contain an incredible number of planets.
- D. Given the colossal number of planets, the appearance of life on one of them was not unusual.
37. According to the passage, which is most likely supported by Robert Shapiro?
- A. Life on Earth first came from outer space.
- B. It is highly possible that DNA was present in earliest stages of life.
- C. Earliest life might not have arisen in the form of complex molecules.
- D. Life has arisen more than once on Earth.
38. Which of the following is NOT mentioned as a hypothesis of life origin?
- A. Life was formed elsewhere and then came to Earth.
- B. Life was brought to Earth with crashing comets.
- C. RNA played a central role in the early form of life.
- D. DNA is more efficient than RNA for primitive life.
39. Which of following conclusions can be drawn from this passage?

A. Among many hypotheses for life origin on Earth, RNA remains the most important one.

B. Many theories of the origin of life have been proposed but no fully accepted theory exists. C. Trying to explain what happened billions of years ago is an extremely difficult but possible task.

D. The answer to the question of how life appeared would have important implications for the likelihood of finding life elsewhere in the universe.

40. Which of the following best describes the organization of this passage?

A. A general presentation followed by a detailed discussion of both sides of an issue.

B. A list of possible answers to a question followed by a discussion of their strengths and weaknesses.

C. A general statement of an issue followed by a discussion of possible answers.

D. A discussion of different aspects wrapped up by an answer to the question.

This is the end of the reading paper. Now please submit your test paper and your answer sheets.

PHẦN 3: VIẾT - VSTEP

Thời gian: 60 phút

Số câu hỏi: 2

TASK 1

You should spend about 20 minutes on this task.

You received an email from your English friend, Jane. She asked you for some information about one of your friends. Read part of her email below.

I've just got an email from your friend, An. She said she's going to take a course in London this summer. She asked if she could stay with my family until she could find an apartment. Can you tell me a bit about her (things like her personality, hobbies and interests, and her current work or study if possible)? I want to see if she will fit in with my family.

Write an email responding to Jane.

You should write at least 120 words. You do not need to include your name or addresses. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfillment, Organization, Vocabulary and Grammar.

TASK 2

You should spend about 40 minutes on this task.

Read the following text from a book about tourism.

Tourism has become one of the fastest growing industries in the world. Millions of people today are travelling farther and farther throughout the year. Some people argue that the development of tourism has had negative effects on local communities; others think that its influences are positive.

Write an essay to an educated reader to discuss the effects of tourism on local communities. Include reasons and any relevant examples to support your answer.

You should write at least 250 words. Your response will be evaluated in terms of Task Fulfillment, Organization, Vocabulary and Grammar.

PHẦN 4: NÓI - VSTEP

Thời gian: 12 phút

Số câu hỏi: 3

Part 1: Social Interaction (3')

Let's talk about your free time activities.

- What do you often do in your free time?
- Do you watch TV? If no, why not? If yes, which TV channel do you like best? Why?
- Do you read books? If no, why not? If yes, what kinds of books do you like best? Why?

Let's talk about your neighborhood.

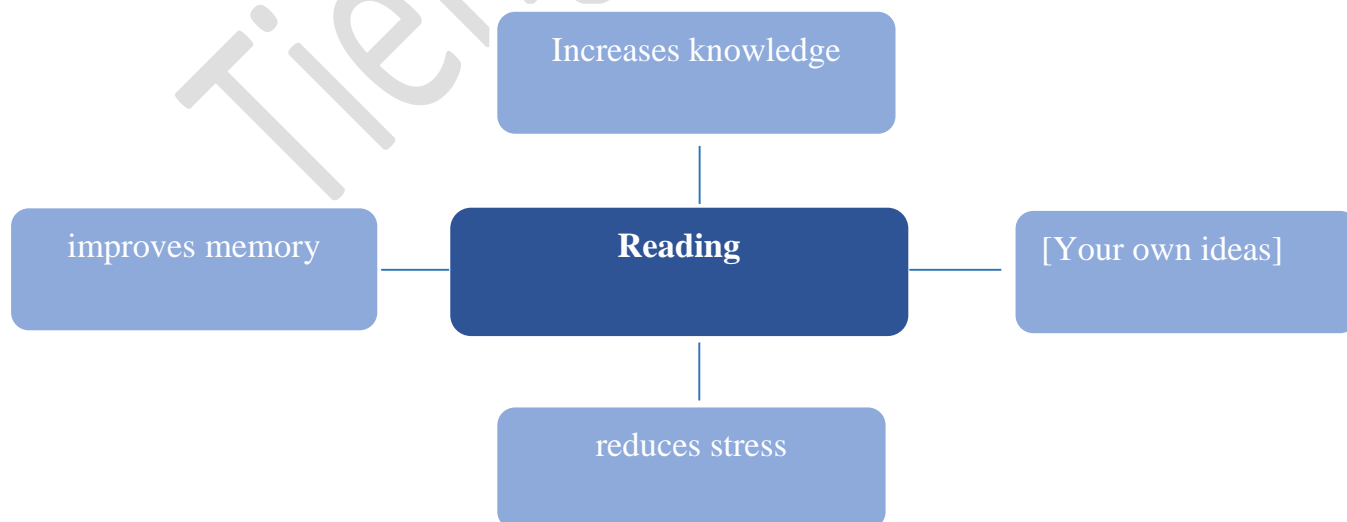
- Can you tell me something about your neighborhood?
- What do you like most about it?
- Do you plan to live there for a long time? Why/why not?

Part 2: Solution Discussion (4')

Situation: A group of people is planning a trip from Danang to Hanoi. Three means of transport are suggested: by train, by plane, and by coach. Which means of transport do you think is the best choice?

Part 3: Topic Development (5')

Topic: Reading habit should be encouraged among teenagers.



- What is the difference between the kinds of books read by your parents' generation and those read by your generation?
- Do you think that governments should support free books for all people?
- In what way can parents help children develop their interest in reading?